

KINH VÔ LƯỢNG THỌ LIÊN NGHĨA THUẬT VĂN TÁN

QUYỂN TRUNG

Hiện hiện Đạo ý vô lượng công đức, đây là phần thứ hai nói về giáo nhập Đạo. Có hai: Một là giáo tu nhân, hiển ý Bồ-tát, phát tâm Bồ-đề, khiến được phát tâm, công đức khó lường khiến tu hành. Thọ ký Bồ-tát thành Đẳng Chánh Giác; hai là nói giáo được quả. Thọ ký Bồ-tát, tức luận chép: khiến được tâm quyết định. Ký là biết, là riêng. Thọ là trao cho, bậc Thánh nói ngay quả khiến biết lợi ích của nhân, nên nói là thọ ký - thành Đẳng giác là quả được thọ ký.

Thị hiện diệt độ cho đến gieo trồng các gốc đức, đây là phần thứ chín, nói quy chân lợi vật. Như Nhiếp luận nói hóa thân diệt độ có sáu ý: Một là sự rốt ráo; hai là trừ ưa thích đảo điên; ba là giúp cho bỏ khinh mạn; bốn là làm sinh khát ngưỡng; năm là khiến thân tinh tấn; sáu là muốn mau thành tựu. Ở đây nói diệt độ ý cũng ở đây. Cứu giúp vô cực tức là lợi ích rộng lớn, trừ lậu gieo trồng gốc đức tức là lợi đầy đủ. Lậu là ba lậu, là nghĩa rỉ chảy, tức là nhân sinh tử. Đức là phước trí thấm nhuần, ích là công, tức là nhân Niết-bàn, gốc cũng là nhân. Vì Phật thị hiện diệt độ thì chúng sinh chán sợ là nhân sinh tử, ưa vắng lặng để tu nhân Niết-bàn. Nên gọi là lợi đầy đủ.

Đầy đủ công đức cho đến hiện khắp Đạo giáo, là phần thứ ba, kết cả hai. Đủ đức khó lường là kết về thật đức. Đi khắp nước hiển bày giáo là kết về quyền đức.

Tu hành thanh tịnh không nhớ bản, là phần thứ hai, là khen về hai lợi, có hai: Một là khen lược; hai là khen rộng. Phần một lại có hai: Một là khen riêng. Lại có bốn: Một là khen tự hạnh thanh tịnh, thí như nhà ảo thuật cho đến tại ý mà làm. Là phần thứ hai, khen hóa độ khéo léo. Có hai: Một là dụ. Bồ-tát hiển hóa khéo léo thuận theo chúng sinh nên nói hóa tương do nhà ảo thuật làm ra. Như hiển bày các hình tượng là đức khởi hóa, như vốn học pháp minh hóa, lấy học tập làm gốc nên gọi

là vốn học, học tốt nguồn gốc lành nên nói là học rõ suốt, học xong thì khởi hóa độ mặc tình nên nói làm tại ý. Pháp sư Viễn chép: Học thành thì khởi dụng, thành ở tâm nên nói tại ý. Mặc ý hóa độ nên nói những việc đã làm, ở đây e không đúng. Vì học chưa thành cũng ở tâm, cho nên nay không còn. Các Bồ-tát này cho đến thấy đều hiện khắp, là sau hợp dụ. Các Bồ-tát tức hợp với nhà ảo thuật. Tu học tất cả pháp hóa độ chúng sinh nên nói học tất cả pháp tức hợp với bốn học, là thông suốt, là tổng tập, là giải thích, là đào luyện, tức thông suốt các sách, tập luyện bao gồm các lý sự thuyên biểu, huyền chỉ, đào luyện các nghi, nên nói là quán thông suốt rành rẽ tất cả tức hợp với minh liễu. Cảnh của Trí bi là chỗ thi thố quyền thuật nên nói sở trụ, giải an tâm cảnh không lầm lẫn quên mất, nên nói an chắc. Tức là hợp với ý. My là không, là vận dụng hết mức. Đối với các sở cảm đều vận hóa. Nên nói là đều trí hóa (hóa độ hết mức) tức cảm trí, khiến tất cả chúng sinh đều được cảm hóa. Cho nên kinh vốn nói đều cảm hóa, nghĩa ấy không trái, tức hợp với điều phải làm. Vật đã là muôn phẩm thì vô tướng không hiện. Cho nên vô số cõi Phật đều hiện khắp tức là hợp với hiện các hình tượng lạ.

Không hề khinh mạn, dễ duôi là phần thứ ba kết thúc tự hạnh thanh tịnh đối với sự tu hành sinh tâm cung kính nên không khinh mạn, cũng không xen hở nên không dễ duôi.

Thương xót chúng sinh, là phần thứ tư kết thúc hóa độ khéo léo. Mẫn là thương xót, thương là buồn bã, tức thương xót chúng sinh không thân tướng nào chẳng hiện.

Các pháp như thế đều đầy đủ, đây là kết chung.

Kinh điển Bồ-tát cho đến Đạo ngự mười phương, là phần thứ hai, khen rộng có bốn: Một là y pháp Bồ-tát mà tu hành tự phần; hai là y pháp Như lai mà tu hạnh thắng gần; ba là tự phần thành đức; bốn là thắng tiến thành đức - đây là phần một: Điển là thường nghiên cứu rớt ráo, giảng nói là thông suốt về đạo yếu yếu, pháp diệu diệu. Đối với pháp tự phần nghiên cứu rớt ráo yếu đạo và giảng bày diệu chỉ. Cho nên nói nghiên cứu chỗ yếu diệu, tức là tự lợi. Đức khác nhau thường ở trong lòng ảnh hưởng tốt ra ngoài, không vật nào chẳng khen. Cho nên nói dẫn dắt cùng khắp, tức là lợi tha.

Vô lượng các Đức Phật cho đến đều đã lập, tức là phần thứ hai, tu hạnh thắng phần - có hai: Một là Tu nội đức, đi vào cảnh Phật nên cùng hộ niệm. Niệm lành khiến thêm lớn, điều ác khiến tiêu diệt. Nên nói chỗ trụ tức là pháp giới chân thật. Nhiếp luận nói là mười pháp giới. Chỗ an lập tức là năng lực thần thông - kinh Niết-bàn nói có khả năng

lập nghĩa lớn. Đây e không đúng, có khả năng lập nghĩa lớn, đã là nghĩa Đại Niết-bàn làm lợi chúng sinh thì không phải tự lợi, cho nên nói chỗ trụ tức không, vô tướng. Lý được lập là mười hai phần giáo. Đây cũng không đúng, việc thế tục phải như thắng nghĩa, cũng là chỗ Phật trụ, nên nói chỗ trụ tức chứng hạnh, chỗ lập tức giáo hạnh, các độ giáo hạnh pháp giới là do Phật lập ra. Đây cũng không đúng. Pháp Hoa nói Phật tự trụ vào nghĩa Đại thừa. Đại thừa là chung cho các độ giáo, lý, hạnh, quả. Đã thực hành thì không phải chỗ lập. Nay tức chỗ Phật an trụ tức là ý chỉ của hai đế mà Bồ-tát đã toại, Phật đã ngộ, nên nói đã được trụ vào. Chỗ Đại thánh lập tức là sự giải thích ba tạng, đại sĩ cũng thông suốt ý thú của sự giải thích này, nên nói đều đã lập. Phật và các Đại thánh nói khác mà thể đồng.

Như lai hóa đạo cho đến khai đạo mọi người, là khen ngoại hóa có hai: Một là tướng hóa đạo, Bồ-tát làm ảnh hưởng rộng khắp giúp mở mang Phật sự cho nên Đạo hóa thường giảng nói, tức là nói pháp giống như Phật. Thị hiện làm Phật hóa, tức Bồ-tát làm thầy giáo hóa chúng sinh như Phật. Thiên tuệ sâu tức hóa hạnh đồng với Phật. Thiên chỉ và tuệ quán, hạnh tuy có nhiều nhưng cốt yếu là ở hai thứ này. Khai đạo mọi người tức là lợi ích chúng sanh đồng như Phật. Khai là khiến mới học, Đạo là khiến cuối cùng thuần thực.

Chung cho các pháp tánh cho đến hiểu rõ các cõi nước, đây là nói hóa đức. Có thuyết nói chung cho các pháp tánh là chung cho pháp lý không, thấu đạt tướng chúng sinh. Thấu suốt người không mà sinh chân. Hiểu rõ các cõi nước là thấu suốt khí giới không. Là người không, pháp không thì chẳng có không nào khác. Nếu có khác thì cũng là lia hai trí nên có trí riêng khác. Có thuyết nói chung cho các pháp tánh là trí Chánh giác, hạnh tự tại thông suốt hai đế pháp tánh. Cho nên thấu đạt tướng chúng sinh là chúng sinh thế gian tự tại thực hành các thể trạng của chúng sinh, thấy đều thấu suốt. Cho nên hiểu rõ các cõi nước là hạnh tự tại của khí thế gian. Trước nói thông, kể nói suốt, sau nói minh, nói chung quanh. Đây cũng không đúng. Chúng sinh ngoại khí không phải thế tục. Nếu thế tục thì chung có cả hai Đế rồi lại không biết gì. Nay thông pháp tánh tức là hạnh pháp giới vô lượng, chỗ điều phục thế giới vô lượng, không thuộc về vô chủng tánh, cho nên lược qua không nói. Điều phục phương tiện vô lượng tức là sự khéo léo ở trước, nên cũng không nói.

Cúng dường các Đức Phật cho đến pháp huyễn hóa, là trình bày rằng tự phần thành đức thứ ba gồm có bốn: Một là Tu phương tiện; hai

là Tu thành đức; ba là lại luận về khởi tu; bốn là lại bày thành đức. Phần một lại có bốn: Một là tự lợi tu - cúng dường các Đức Phật, huyễn hóa như điện chớp, tức là phước hạnh. Khéo học vô úy, hiểu rõ huyễn hóa tức là trí hạnh. Có thuyết nói muốn cúng dường các Đức Phật hóa hiện thân ấy, một niệm đến khắp, như ánh điện chớp, bỏ tà theo chánh cho nên nói khéo học, đạt chánh vượt tà cho nên nói là vô úy. Gồm nhiếp các pháp nên nói là dưới, tức là trí phương tiện. Cũng thấy các pháp chẳng nhất định có không, tánh nó như huyễn nên nói là hiểu rõ huyễn hóa, tức là trí thành tựu. Lại đối với người (nhân) không sợ, học vô úy đối với pháp hay biết nên hiểu là huyễn hóa. Có thuyết chép: Các pháp tuy chẳng phải không mà cũng chẳng phải có, nên không thấy một pháp nào đáng sợ, nhiếp hóa chúng sinh không bỏ nên nói học vô úy. Lưỡi tuy chẳng phải có cũng chẳng phải không, mà lìa có lìa không cho nên nói là huyễn hóa. Có thuyết chép: Như Quán Thế Âm dùng pháp vô úy thí mà nhiếp rộng chúng sinh, nên nói lưỡi vô úy, ba thứ đều không đúng. Bởi nếu khéo học mà phương tiện chưa thấu suốt tà chánh thì chẳng phải là vô úy. Cho nên các pháp chẳng phải có mà chẳng thấy đáng sợ, cũng chẳng phải không mà thấy đáng sợ. Như thứ lớp thì nay tức hóa hiện, cúng Phật tuy cùng khắp mà chẳng trụ, cho nên như điện chớp. Học lưỡi vô úy tức là trí thấu suốt lời lẽ, hiểu pháp huyễn hóa tức là trí ngộ ý chỉ. Lưỡi là giáo - Phật có đủ bốn vô úy nên nói vô úy. Hoặc lý hoặc sự đều như huyễn, nên nói là huyễn hóa. Bỏ-tát đối với ý Phật dạy, thấu suốt các pháp, lời lẽ tự tánh chẳng thật có, nên nói là khéo học hiểu.

Xé rách lưỡi ma, mở các trói buộc, là phần thứ hai, nói về tu lợi tha. Lưỡi ma tức là giáo của ma trời. Trói buộc tức là tám triền, ba phước. Có thuyết chép: Mười triền, bốn phước. Ở Tiểu thừa có nghĩa này, nhưng Đại thừa không có. Tức phá lưỡi ma, khiến cho lìa nghiệp ác. Mở trói buộc, giúp dứt bỏ phiền não. Vượt hơn Thịnh văn cho đến Tam-muội Vô nguyện, là phần thứ ba lại nói về tự lợi. Vượt địa Nhị thừa, tức là đối với các thừa khác mà nói lên sự cao quý. Được “Không, vô tướng, vô nguyện” tức là nói thẳng hạnh cao quý. Mới phát Đại tâm còn hơn Nhị thừa hướng là thực hành đã lâu, nên nói vượt hơn. Muốn vào Đại Niết-bàn phải dùng ba thứ Tam-muội làm cửa nên nói khắp ba thứ này. Như Luận Du-già chép: Pháp ta vì chẳng phải có, vì chẳng phải không, vì không tướng, vô tướng nên chẳng thể nguyện cầu mà có. Có chỗ nói không, vô nguyện, vô tướng không trái với hạnh Nhị thừa. Có thuyết chép: Trước là giáo hạnh, đây là chứng hạnh, nên có

chỗ khác nhau, là không phải vậy. Bởi học lưới vô úy tuy có thể giáo hạnh mà hiểu là huyền hóa nên nói là chứng. Nay tức trước là Đạo Bồ-đề, sau là cửa Niết-bàn, nên phải giải thích lại. Khéo lập phương tiện cho đến thị hiện diệt độ, là phần thứ tư, lại nói về lợi tha. Phương tiện tuy nhiều nhưng ở đây phương tiện gọi là Xảo quyền. Có thuyết nói là thiện phương tiện, tức có ý phương tiện thì hiện ba thừa mà diệt độ, tức là khẩu phương tiện khéo lập ba thừa tùy tiện độ chúng sinh, nên gọi là thiện phương tiện. Nói ba thừa là nhân, diệt độ là quả, hiển bày diệt độ, nên đây là không đúng. Ở hạ thừa, Trung thừa mà hiện diệt độ, thì tướng ứng hóa ắt chẳng thể nói có quả Nhị thừa. Nếu chẳng thế thì sao nói thị hiện diệt độ mà chẳng nói năng? Có thuyết chép: Khéo lập phương tiện là khẩu phương tiện chỉ bày Trung thừa, hạ thừa mà hiện Trung hạ diệt, đều là thân phương tiện. Điều này cũng không đúng, thị hiện ba thừa nghĩa đã đủ, cũng nói là hiện diệt độ thì lẽ ra vô dụng, cho nên không đúng, vì sao không thuộc ba thừa mà nói là Trung hạ ư? Cho nên nay, khéo lập phương tiện tức là ý phương tiện, thuận theo các Đức Phật tìm ba thừa mà hóa độ, nên hiển bày ba thừa tức là khẩu phương tiện, phân biệt Vương xá thừa mà nói ba thừa. ba thừa cũng tức là phương tiện của Phật. Cho nên Trung thừa hạ thừa diệt độ tức là thân phương tiện. Duyên giác là Trung thừa, Thanh văn là Hạ thừa, tức đồng với kinh Pháp Hoa nói nghĩa không hai: Ba. Bồ-tát muốn dắt dẫn Nhị thừa bất định là khiến đến Phật thừa, nên ở Niết-bàn kia mà thị hiện diệt độ, tức là đồng với Nhiếp luận nói biến hóa. Nên nói ý kinh Phật Địa nói trí thành Sở tác khởi ba thừa hóa thành bốn ký luận, tức là ở đây.

Cũng không có việc làm ra cho đến được pháp Bồ-đề, là phần thứ hai, nói tu thành đức. Có hai: Một là đức tự lợi; hai là đức lợi tha. Phần một lại có bốn: Một là chỗ được bình đẳng. Có thuyết chép: Ba thừa tánh không, nên chẳng có việc làm ra, chẳng thấy quả chứng riêng ba thừa cho nên chẳng thật có. Đạt được vô tánh chân để hiểu rõ các pháp không sinh diệt, nên chẳng sinh chẳng diệt là không đúng. Vì quyết định Nhị thừa đã vào vô dư, nên chẳng thể nói nhất định là không chứng riêng. Lại hiển bày ba thừa cho nên đều là việc làm ra hiện diệt độ cho nên đều là thật có. Có thuyết chép: không nhân việc làm ra nên không có việc làm ra, chẳng quả để có nên không thật có, chẳng tịnh để khởi nên không nhiễm nào để diệt, cho nên nói bình đẳng. Đây cũng chẳng phải vì có công năng nên đều có việc làm ra, quả nhờ duyên mà có nên chẳng phải không thật có. Nay tức không làm, không có tức là sự bình

đẳng. Chẳng sinh chẳng diệt là lý bình đẳng. Không thật có tác dụng nên không làm, không có khả năng tự sinh nên chẳng có. Tịnh pháp tuy thêm nhưng thật chẳng thêm theo. Cho nên nói không sinh pháp nhiễm, tuy diệt mà như chẳng diệt theo nên nói là không diệt. Các pháp nhất tướng gọi là vô tướng nên nói là bình đẳng. Do đó chứng hội cũng gọi là được.

Đây đủ thành tựu cho đến các căn trí tuệ, đây là phần thứ hai nói về sự thành tựu rất nhiều. Có thuyết chép: tập luyện gọi là Tam-muội, thành tựu gọi là tổng trì, là không đúng. Phật địa mà không có Tam-muội thì trái với các giáo. Nên nay ngay nơi Tổng trì, tuy có mặt cả định, tuệ nhưng Chánh là tuệ tánh, cho nên trăm ngàn Tam-muội tức chỗ nương của tổng trì, như trong Địa kinh có nói rộng: Các căn chung cho tất cả pháp lành, tức nói tinh tấn niệm Định là không đúng. Hễ nói pháp lành đều chung cho cả các pháp hữu vi. Điều lành trong hữu vi tuy có gọi là căn, còn vô vi thì không đúng. Lại tín, tinh tấn v.v... gọi là các căn thì không nên nói trí tuệ riêng. Đã nói tam muội tức chỉ riêng cho định, do đâu cũng nói là Định căn. Cho nên nay các căn là sáu căn thanh tịnh. Các Bồ-tát này ở ngôi Thập địa đã được tự tại, sáu căn dùng chung cho nhau. Tổng trì tuy là tuệ, nhưng tuệ chưa hẳn là trì cho nên dẫn dắt các hạnh, nên phải phân biệt nói.

Tịch Định rộng khắp cho đến kho pháp Bồ-tát là phần thứ ba, nói chỗ chứng rất rộng. Kho tức là mười muôn pháp uẩn, phân biệt kho của Nhị thừa nên nói là Bồ-tát, là chỗ chứng sâu. Có thuyết chép: Khắp Định thì có khả năng chứng rộng, đối với tất cả pháp chẳng khởi vọng tưởng, cho nên kho là chỗ chứng sâu, ở kho chân pháp mà có khả năng đi sâu vào. Nếu thế tức trái với danh nghĩa sâu rộng của chỗ chứng.

Được Tam-muội Hoa Nghiêm của Phật, đây là phần thứ tư chỗ lạ lùng cao siêu được thành. Công đức của Phật địa làm nghiêm thân Phật, cho nên nói Phật Hoa Nghiêm. Nhập tam muội này thì hiện thấy Phật các phương và các cõi Phật. Cũng nói là được, tức kinh Hoa Nghiêm chép: một Tam-muội đó bao trùm pháp giới, tất cả Phật pháp đều ở trong đó.

Tuyên dương giảng nói tất cả kinh điển, đây là phần thứ ba nói về đức lợi tha. Phật hiển bày sự hóa độ, nên nói là tuyên dương, tức phân biệt với Như lai, Như lai tự giảng nói.

Trụ định môn sâu cho đến đều cùng khắp, là phần thứ ba lại nói về khởi tu. Có hai: Một là khởi tu tự lợi. Có thuyết chép: Định sâu là khởi chung lý Định được nương. Có thuyết chép: Một niệm cùng khắp,

là nhập định quán chúng sinh hai thứ đều, là không đúng. Vì đã chung thì sự là chỗ nương của Định, mà không phải là lý Định. Cho nên quán vô lượng Phật không phải là một niệm như thứ lớp. Nay tức chung là chỗ nương của Định mà không cảnh nào chẳng quán, nên nói là Định sâu. Thấy các Đức Phật tức là Thiên nhân thông, một niệm khắp tức là thần cảnh thông, nương vào Định sâu này mà phát ra thiên nhân, có công năng thấy các Đức Phật. Nhiếp hạnh cũng rộng khởi thần thông, một niệm đến khắp là chỗ thấy cõi Phật, nhiếp phước sinh trí, cho nên khởi hạnh nhanh chóng.

Cứu các nạn dữ cho đến khai hóa tất cả, là nói khởi tu lợi tha. Có thuyết chép: Nhị thừa đối với việc cứu độ chúng sinh thì nhân, còn Bồ-tát thì vô nhân. Phạm phu đối với tu thì nhân, Bồ-tát thì không nhân. Nhị thừa và phạm phu đối Vô thượng Đạo thì nhân, Bồ-tát thì không nhân. Ở đây đều không đúng. Nếu có nói thì là nói biếng lười hay tinh tấn. Còn nhân là chỗ nhân, chỗ yên vắng, không phải biếng lười. Có thuyết chép: nạn dữ có tám, đường ác có ba: Tức ba đường ác. Nhân gian có bốn: Một là mù điếc câm ngọng; hai là thế trí biện thông; ba là sinh trước Phật sau Phật; bốn là Châu Câu-lô ở phía Bắc. Trên trời có một tức là trời Vô Tướng, nên trong tám nạn thì ba đường là dữ nhất. Bồ-tát cứu khổ trời, người nhẹ hơn nên nói các nhân Bồ-tát, siêng hóa độ nên nói không nhân. Đây cũng chẳng phải, trên trời có một tức trái với các kinh khác nói trời Phi tướng là nạn thứ tám. Lại nạn trời, người nói các nhân là có các trời, người không có nạn cũng không được Bồ-tát hóa độ. Có thuyết chép: Nạn dữ tức là tám nạn. Trong đó A-tỳ chịu khổ Vô gián (không ngưng nghỉ) nên nói không nhân, trừ bảy thứ kia gọi là nhân. Bồ-tát có khả năng cứu giúp nên gọi là tế, đây cũng không đúng. Nên nói bảy thứ kia là bảy thứ nào? Nếu nói bảy nạn sau gọi là nhân, thì bảy địa ngục đều nhân vì nó thuộc nhân. Nếu nói bảy địa ngục gọi là nhân thì tám ngục lạnh cũng không phải hai thứ. Bồ-tát cứu giúp cũng không khắp. Nay ngay tám nạn gọi là nạn dữ thì gồm cả trời Phitướng, lại có hai chương nghiệp, và hoặc thì gọi là chẳng nhân. Nếu không phải tám nạn và không có hai chương thì đều gọi là nhân. Bồ-tát đại bi đều có khả năng cứu giúp trừ diệt nên cũng gọi là Tế. Chân thật tế là sở chứng, hai không chân như chẳng gì hơn nên nói là thật tế. Bồ-tát đại bi phân biệt lời lẽ mà khai thị ý chỉ, giúp được chứng nhập, nên nói phân biệt hiển bày. Biện tài trí là nói ra cho hiểu để được bốn trí vô ngại Như lai hiểu rõ các nghĩa. Cho nên lời lẽ vào chúng tức là khởi nói để được hiểu. Tam-muội Ngữ ngôn khởi lên các thuyết. Nhập là hiểu. Biện tài

đầy đủ ở trong thì khéo nói phát ra ngoài, không chúng sinh nào chẳng được hóa độ. Nên nói là khai hóa tất cả.

Vượt hơn thế gian cho đến Đạo xuất thế, là phần thứ tư lại nói sự thành tựu. Có hai: Một là thành tựu đức. Vượt hơn thế gian là nói đoạn đức thành, vượt qua hai thứ chết, nên đối với pháp mà nói là hơn thế gian. Gồm hiển bày nghĩa giải thoát phiền não. Trụ đạo độ đời là nêu trí đức thành tựu cả hai trí. Tức Duy Thức nói trong dòng pháp chảy nhanh mặc tình chuyển vận. Đế là yên. Độ là vượt ra là tên khác của Đạo xuất thế.

Đối với tất cả muôn vật cho đến là gánh nặng, là nói thành tựu hóa đức, do thành trí đoạn trừ khổ chấp muôn vật, hoặc biến hoặc hóa đều mặc tình, nên gọi là tự tại. Thứ là các loại phàm thứ phẩm loại là tên gọi chung của chúng sinh. Cho nên có kinh vốn cho rằng chúng sinh ngày xưa không có gốc Đạo, hiện tại không có tin ưa không biết cảm thánh, cho nên nói không mời mà còn dắt dẫn, hướng chi là có mời ư? Cho nên nói bạn không mời. Tức kinh nói chẳng đợi nghi giờ. Quần sinh, tức trong Kinh Thắng Man gọi bốn thứ chúng sinh, đó là không nghe, phi pháp và người cầu ba thừa. Có thuyết chép: Trong bốn thứ chúng sinh thì một là người phi pháp, không cảm thánh thiện nên nói không mời là không đúng. Sau ba thừa chưa hẳn đều có cảm điều lành thế gian của bậc Thánh. Cho nên kinh Hoa Nghiêm, Du-già đều có nói bốn thứ này, mà ba thứ sau thì chung có cả Định và Bất định. Một trong phần đầu là vô tánh hữu tình, cho nên trời, người có gốc lành đều thành tựu. Bồ-tát gánh vác bốn thứ chúng sinh này làm gánh nặng của mình mà thành tựu. Nên nói là gánh nặng, làm người bạn không mời, đều gồm bốn thứ chúng sinh.

Thọ trì Như lai cho đến thường không để dứt, là phần thứ tư lại nói về tu thắng phần thành đức. Có hai: Một là nói về chỗ tu hành; hai là nêu thành đức. Trong một lại có hai: Một là tu Tự lợi. Có thuyết chép: Kho pháp sâu xa tức là kho Như lai, ám chướng đã dứt bỏ thì bày rõ tâm mình. Cho nên nói thọ trì các độ trong pháp giới, tức là chủng tính Phật, giữ gìn khiến lìa chướng mà khởi điều lành không xen hở mà gọi là thường không dứt. Đây e không đúng. Vì tánh Như lai tạng đã là chân thể thì không thể nói thọ trì kho pháp. Cho nên đã nói kho pháp thì cũng nói thọ trì, tức như giáo pháp không phải Phật tánh. Nay đã thọ trì Phật giáo khiến ở lâu trên đời, thuộc về có tánh, y vào đó mà gieo trồng điều lành thường không để dứt. Tức đồng thượng sinh nói rằng người khéo thọ trì chớ làm chết hạt giống Phật khởi đại bi cho đến thí cho mọi

người, đây là nói tu lợi tha. Có ba: Một là pháp. Đại bi với chúng sinh tức là cứu khổ, giảng đại từ, trao pháp nhãn, tức là cho vui. Hành biện, tức là luận bàn ưa nói năng, dùng tâm từ Định mà nói pháp, nhấn nhục giảng từ biện. Như lời nói mà thực hành thì chắc chắn vào Thánh địa, được pháp nhãn thanh tịnh, nên nói là trao pháp nhãn. Pháp nhãn tức là tuệ nhãn, là tên của thể. Bi Định nói pháp là để cứu khổ ba đường, nên nói là lấp ba đường. Đổ là lấp ngăn. Giảng từ biện mà giúp tu nghiệp trời, người, nên nói là mở cửa điều lành bố thí cho thì các lê thứ. Thờ cha chỉ có kính, đối với mẹ cũng thương, cho nên từ như kính cha, vui đáng tôn kính. Bi như thương mẹ, khổ đáng yêu, cho nên đối với các chúng sinh xem như thân mình. Sau đây là hợp dụ. Như mình là ý xem như con một của mình. Như Kinh Niết-bàn chép: Xem các chúng sinh như con một, từ bi thương xót như con của mình.

Tất cả gốc lành cho đến chẳng thể suy nghĩ bàn luận, là phần thứ hai nói đức đã thành. Gốc lành tức là nhân của phước trí. Độ là đến. Hạnh phước trí đều đến Bồ-đề, Niết-bàn bờ kia, tức là nhân thành. Được công đức Phật tức là phước đức trang nghiêm trí tuệ thánh minh. Chẳng thể suy nghĩ bàn luận, tức là trí tuệ trang nghiêm quả đã thành.

Như thế cho đến một lúc cùng đến nhóm họp. Đây là phần thứ tư: Tổng kết.

Khi ấy, Đức Thế tôn cho đến dung nhan vôi vọi, đây là phần thứ hai nói kinh và nêu tựa. Các căn vui vẻ là tướng vui vẻ năm căn đều lộ vẻ vui mừng, để nói lên Tịnh độ vui sướng không xen hở. Sắc đẹp thanh tịnh là không có sắc buồn bã, lo âu để nói lên Tịnh độ không có các khổ. Vôi vọi tức là cao lớn. Dung nhan là danh từ gọi chung các sắc căn, lại nói lên cõi ấy có vui, không khổ. Tư là diệu, đẹp. Tức Bạch Diên và Chi Khiêm đều nói mặt có chín màu sáng biến thành trăm ngàn màu sáng chói lòa rực rỡ. Có thuyết chép: Phật không có tâm bất định, đầy đủ các căn thân tướng tốt sao lại có lúc chẳng vui. Đây chỉ là muốn thêm việc để hỏi, do đó mà biểu thị cho pháp được nói, là không đúng. Vì Phật đâu không có buồn vui nhưng hiển hiện sự vui cười để dự bị các tướng tốt mà không phải thật vui. Nay Thế tôn hiển bày sự vui là Phật ấy đã thành hạnh đức đáng mừng, là chúng sinh sắp được lợi ích. Tôn giả A-nan quỳ xuống chấp tay, là thứ hai nói về hỏi đáp nói rộng có sáu: Một là hỏi Phật bày tướng vui; hai là xét câu hỏi; ba là nêu câu hỏi tự thỉnh; bốn là khen hỏi được chấp nhận; năm là A-nan muốn nghe; sáu là Như lai nói rộng. Lại phần một có hai: Một là bày nghi thưa hỏi

- Thánh chỉ tức là ý Như lai bày tướng kín đáo để thêm oai vệ. Nói thừa lệnh quỳ xuống, tức là nói hai gối sát đất.

Mà bạch Phật rằng cho đến đẹp đẽ khác lạ như nay, là nói chánh hỏi ý bày tướng vui. Có ba: Một là bày chỗ thấy; hai là nói chỗ nghĩ; ba là nêu những việc phải làm. Vật ngoài soi vào gương gọi là ảnh, tức đồng ánh sáng của thân Phật phát ra, ánh sáng chiếu ra ngoài hiển bày ảnh rõ trong gương, ảnh bên trong cũng phát ra ánh sáng mà làm sáng rõ mặt Phật. Nên nói trong ngoài đều phát ra ánh sáng, nêu lên chỗ thấy của mình không hề có là lạ lùng. Chiêm là thấy.

Đúng thế Đại thánh cho đến pháp kỳ đặc, là phần thứ hai, nói những điều mình nghĩ - Pháp sư Viễn chép: Có năm ý nghĩ: Một là nêu chung, bốn điều sau là nêu riêng. Chỉ có bốn ý, tức bốn ý nghĩ đời sau, hiện đời không có, nên nói kỳ đặc. Đây e không đúng, khi Phật còn ở đời không phải năm ý nghĩ này là hết, huống chi là bốn ý nghĩ, cho nên không thể gồm mà nói bốn. Nếu nói kỳ đặc nên biết là câu gồm chung, Đức của Như lai cũng không chỉ riêng, nên không có nghĩ riêng. Tức nay A-nan nói lược năm ý nghĩ đều có mục tiêu, đây là ý nghĩ thứ nhất. Có thuyết chép: Duy là chỉ, nói điều mình chuyên nghĩ, là không đúng. Vì trái các điển chế ở đời, là nghi thức ứng đối. Nay “Đúng thế” tức là đối với bậc trên mà nói, là lời nói rộng. Hôm nay là lời phân biệt với xưa, y thân thông mà hiện tướng, chẳng phải chỉ lạ thường mà cùng có ý là không ai bằng, nên nói là kỳ đặc, tức là lý do lập ra tên gọi Thế tôn (bậc cao quý nhất trên đời).

Hôm nay Đấng Thế Hùng trụ vào chỗ các Đức Phật đã trụ, đây là ý nghĩ thứ hai. Có thuyết chép: chỗ trụ là Đại Niết-bàn, các Đức Phật cùng trụ ở đây. Vì Phật ở thế gian là bậc hùng mạnh nhất, nên nói Thế hùng, là không phải vì Phật thường trụ ở Niết-bàn, không phải nay mới trụ. Nay tức là Như lai trụ vào Tam-muội bình đẳng của các Đức Phật, có khả năng chế phục các ma trời hùng mạnh. Trụ chỗ Phật trụ là nhân của tên gọi Thế Hùng.

Hôm nay Đấng Thế Nhân an trụ trong hạnh Đạo sư, là nói ý nghĩ thứ ba. Có thuyết chép: bốn pháp nhiếp là hạnh Đạo sư nhiếp hóa của Phật. Phật trụ vào hạnh này nên có khả năng mở mắt cho đời, giúp họ thấy đường chánh, nên gọi là Đấng Thế Nhân. Đây cũng không đúng. Hạnh bốn nhiếp tuy là hóa độ chúng sinh nhưng không phải nghĩa nhân. Nay tức năm nhân gọi là hạnh Đạo sư, Phật trụ vào năm nhân mà dẫn dắt chúng sinh không để có lỗi. Cho nên dùng hạnh Đạo sư để giải thích nghĩa Thế Nhân.

Hôm nay, Đấng Thế Anh trụ vào Đạo trên hết. Đây là ý nghĩ thứ năm. Thiên Tôn tức là Đệ nhất nghĩa thiên, vì hiểu Phật tánh là nghĩa bất không, tức chỉ Phật có pháp bất cộng gọi là Như lai đức, các bậc Thánh khác thì không. Lấy Đức Như lai mà giải thích danh từ Thiên tôn, tuy Pháp sư Viễn gọi là Đức mà giải thích riêng. Nay tức lấy đức mà giải thích tên. Xem văn kinh này thì thuận nêu nghĩa giải thích. Tên gọi là Thế tôn, Thế Hùng... tức là chỗ trụ đặc biệt.

Các Phật quá khứ, hiện tại, vị lai cho đến nghĩ đến các Đức Phật ư? Đây là phần thứ ba nêu chỗ làm. Có hai: Một là nghĩ nhớ việc phải làm. Có thuyết chép: Phật khứ, lai, hiện là tướng Phật ba đời, niệm Phật là nhớ tướng Phật, là tướng Phật mười phương, là không phải vì lia ba đời thì không có Phật mười phương. Cũng chẳng phải thế. Cho nên nay nêu tướng Phật ba đời, niệm loại này được không? Nay Như lai nghĩ nhớ các Đức Phật chẳng. Chữ da (chăng) là lời bất định, lượng định Phật này nghĩ nhớ các Đức Phật mà chưa dám chắc chắn. Vì sao, vì oai thần ánh sáng như thế. Nên nói rằng đây là nêu những điều phải làm, quang quang là hình ảnh ánh sáng rực rỡ.

Do đó Thế tôn cho đến hỏi oai nhan ư? Đây là phần thứ hai nói Phật xét lý do câu hỏi.

A-nan bạch Phật cho đến hỏi nghĩa này, là thứ phần ba nói A-nan hỏi lý do. Thật ra tuy nương oai lực của Như lai mà đối với các vị trời nên nói là tự hỏi.

Phật nói lành thay cho đến câu hỏi rất đúng lúc, là phần thứ tư khen câu hỏi được chấp nhận. Có hai: Một là khen câu hỏi; hai là nêu Đức được chấp nhận. Phần một lại có ba: Một là khen chung. Câu hỏi của A-nan xứng cơ và pháp, hợp thời nghi nên nói rất đúng lúc. Phát trí tuệ sâu cho đến hỏi nghĩa tuệ này, là nói kế hỏi khen riêng. Phát trí tuệ sâu là khen hỏi về trí, chân diệu biện tài là khen hỏi về lời. Thương nghĩ chúng sinh là khen hỏi về ý. Có thuyết chép: nghĩ nhớ năm đức của Phật nên phát trí tuệ sâu là khen Phật trụ ở năm Đức, nên nói là chân diệu biện tài. Đây e không đúng. Nghĩ năm Đức của Phật là nghĩa năm trụ chẳng khác nhau. Niệm nếu không khen, nếu khen không niệm nghĩ thì đều không phải chánh lý. Cho nên nay nói đó là năm hiệu của Phật nên phát trí tuệ sâu, đem Đức năm trụ mà khen nghĩa năm hiệu chân diệu biện tài, tuy hỏi năm đức, nhưng năm đức đều lấy trí làm chính nên nói là hỏi nghĩa tuệ.

Như lai dùng đại bi vô cái mà thương xót ba cõi, đây là khen riêng mà hỏi lợi. Có bốn: một là bày lòng từ bi thương xót của Phật. Có kinh

nói vô tận đại bi. Có người giải thích đây là nương vào nội vô tận pháp mà sinh. Cho nên nay Đại bi của Phật không có ngăn che, gọi là vô tận hay vô cái, chính là không nên sửa đổi. Căng là thương.

Do đó mà ra đời cho đến lợi ích chân thật. Đây là phần thứ hai nói Phật làm lợi ích chúng sinh. Mở lớn Đạo giáo muốn cứu độ chúng sinh mê mờ, là dùng giáo làm lợi ích chúng sinh. Quang là rộng, xiển là bày, tuệ là lợi ích chân thật, ngay nơi lý mà làm lợi ích chúng sinh. Tuệ là bố thí. Có sách khác nói giúp khắp chúng sinh được lợi chân pháp thì nghĩa cũng không trái. Lý do Như lai ra đời là muốn đem giáo lý làm lợi ích chúng sinh.

Vô lượng ức kiếp cho đến thường xuất hiện, là phần thứ ba nói Phật khó gặp. Ngài Bạch Diên và Chi Khiêm đều nói như thế gian có cây Ưu-đàm chỉ có hạt (trái) mà không có hoa. Khi trong thế gian có Phật ra đời thì cây ấy có hoa. Nay nói hoa Linh thoại là theo tên gọi của Trung. Thường là người ít có vì phải chọn thời lành mà xuất hiện.

Nay hỏi cho đến các trời, người, đây là phần thứ tư chánh thức thưa hỏi lợi ích. Ngài Bạch Diên và Chi Khiêm đều chép: nếu hỏi về Phật thì hơn cúng dường cho một vị A-la-hán, Bích-Chi-phật, bố thí cho các trời, người đến loài nhuyển động trăm ngàn muôn ức lần.

Này A-nan phải biết cho đến không thể cạn hết, là phần thứ hai, nêu đức được chấp nhận. Có hai: Một là nêu đức của Phật để nói về thành tựu; hai là chấp nhận để đáp câu hỏi. Phần một lại có hai: Một là nói về quả hơn; hai là dùng nhân mà nói hơn. Phần một lại có hai; một là nói A-nan nghĩ. Như lai Chánh giác tức là pháp đặc biệt mà trí khó lường biết, tức là Tam-muội bình đẳng phát ra trí thắng diệu. Đem trí khó lường mà nói chỗ Phật trụ có nhiều đạo ngữ, tức là nói về hạnh Đạo sư. Có thuyết chép: Tuệ kiến vô ngại tức là đức của Như lai là không đúng. Vì vượt nói đức của Thiên tôn thì lại thành Đạo trên hết là không có lý do khác. Nên nay tuệ kiến vô ngại là nói Đạo trên hết. Không thể cạn hết tức là đức của Như lai hết, đức của Phật đã thắng diệu không bị các thánh khác bức ép cho cạn, nên nói không cạn hết.

Dùng năng lực một bữa ăn cho đến dung nhan không khác. Đây là nói A-nan thấy, năng lực một bữa ăn tức là nhờ nhân thí thực mà được sống lâu, cho đến lại còn hơn đây là khen tuổi thọ, các căn vui vẻ cho đến dung nhan chẳng khác là chánh nêu những điều thấy được. Các căn vui vẻ là trước thấy không có. Bị hủy tổn là nói về nghĩa vui vẻ. Sắc đẹp không đổi là sắc đẹp thanh tịnh. Thanh tịnh nghĩa là không đổi. Dung nhan chẳng khác tức là dung nhan trước vui vẻ. Vui vẻ tức là nghĩa

chẳng khác. Thí thực tuy có năm quả báo, nhưng chỉ nói về mạng sắc thì sắc là sự hiện bày ra, mạng là chỗ nương. Có thuyết chép: chẳng bị hủy tổn, chẳng thay đổi, không khác, đều nói về thường, nhưng không đúng. Nếu thường thì A-nan không nói không hề thấy nhiệm mầu như hôm nay.

Vì sao cho đến mà được tự tại, là phần thứ hai, dùng nhân mà hiển bày sự cao quý. Định là chỉ, tuệ là quán. Nghiên cứu tức là thông thương rất ráo, vô cực tức rộng xa không bờ bến. Do đó, Như lai năm đức về tuệ, ba tướng về thân, tức là tuệ rất ráo, là được chỗ nghỉ năm đức chắc chắn rất ráo, nên được hiện ra ba tướng, nhân tuy nhiều, nhưng hai hạnh chỉ quán là đường Tịnh độ, cho nên muôn hạnh nương vào dắt dẫn các hạnh, nên nói hai hạnh này dư là gồm hai nhân đã đủ thì không có đức nào chẳng tròn, cho nên đối với các quả pháp được tự tại. Tức là ngài An Tuệ nói chứng được tất cả pháp tự tại. Có thuyết chép: Định tuệ rất ráo vô cực tức tâm tự tại, thực hành được các pháp tự tại, tức tự tại làm lành mà vào tất cả pháp giới môn, chẳng thứ nào chẳng hiện, là không đúng. Vì đối với tất cả pháp mà được tự tại. Nếu không phải quả thì sẽ không có tự tại, nên trước giải thích là lành.

Này A-nan hãy lắng nghe, nay ta sẽ nói cho ông, là phần thứ hai, chấp nhận để đáp câu hỏi, lắng nghe tức là bảo hậu tâm, vì nói tức nhận lời thưa hỏi trước.

Thưa rằng, đúng thế con rất muốn nghe, tức phần thứ năm, A-nan muốn nghe.

Phật bảo A-nan cho đến vô lượng số kiếp, là phần thứ sáu, Như lai nói rộng. Có hai: Một là nói rộng: Nhân quả Tịnh độ của Như lai, tức những việc làm về sự thành tựu. Sau rộng bày nhân quả vãng sinh của chúng sinh, tức thuộc về những điều lợi ích. Phần một lại có hai: Một là nói Nhân sinh về Tịnh độ; hai là nói quả ở cõi Phật. Phần một lại có hai: Một là nêu chung duyên tốt; hai là nói riêng về hạnh tốt. Phần một lại có hai: Một là nêu duyên xa; hai là nêu duyên gần. Phần một lại có ba: Một là nêu thời gian. Có thuyết chép: không thể đếm gọi là kiếp. Về số pháp ở Tây Vực đến sáu mươi chuyển thì không thể đếm được nữa, là không đúng. Tuy có thể đếm cũng gọi là kiếp, cho nên cũng trái, Hoa Nghiêm nói có một trăm hai mươi chuyển, cho nên ở đây nói Kiếp là tên chung của thời gian. Tiếng phạm là A-tăng-kỳ, Hán dịch là vô ương số, Vương Dật cho rằng ương là cùng tận.

Định quang Như lai cho đến kế gọi là ở đời, đây là kế nói về Phật. Kinh của Bạch Diên nêu lược có ba mươi sáu Phật, phần nhiều dùng tên

gọi Trung quốc. Phật thứ ba mươi hai là tên Ấn-độ. Kinh của Chi Khiêm chỉ nêu ba mươi hai Phật đều dùng âm Phạm. Nay quyển này ngài Pháp Hộ nêu đủ năm mươi ba Đức Phật. Vì người dịch muốn nêu nhiều ít, không nên lấy làm lạ. Định quang thì ngài Chi Khiêm nói là ĐỀ-HÒA-KIỆT-la. Có thuyết chép: Không có bộ túc đọc là Định, có bộ Túc đọc là ĐĂNG. Định Quang và Nhiên ĐĂNG là một. Thích-ca được đạo cho nên đứng đầu, từ trước đã có lời này. Nếu thế Thích-ca được thọ ký trước mà sao lại thành Phật sau Di-đà, nếu chẳng phải sau thì Di-đà thành Phật mười tiểu kiếp rồi mới nêu ý mình mà gọi tên, tuy đồng Phật mà khác, cả hai đều bất tận, nếu cho là một vị thì Nhiên ĐĂNG ra đời vào kiếp thứ hai, mãn rồi thì không thể gặp Di-đà đã thành Phật hơn mười kiếp. Nếu khác thì cũng trái với các Đức Phật ra đời trước mà đồng tên. Cho nên nay Định Quang và Nhiên ĐĂNG thì vừa đồng mà vừa khác, tức Định quang tuy là Nhiên ĐĂNG, nhưng không phải là Phật Nhiên ĐĂNG đã thọ ký cho Đức Thích-ca. Bởi trước Đức Thích-ca cũng có Phật Nhiên ĐĂNG có thể đó là Phật Định Quang, chẳng gì khó nói. Nếu đó không phải là vị Phật đã thọ ký cho Đức Thích-ca được đạo thì vì sao Phật Định Quang xưa kia mà không phải Phật khác? Từ đức Phật ấy đến nay đã có năm mươi bốn Đức Phật ra đời. Nên nói từ Phật Định Quang đến nay dần dần có nhiếp thọ hạnh Tịnh độ. Do đó mà Định Quang cũng gọi là Nhiên ĐĂNG thì cũng không có lỗi gì.

Các Đức Phật Như thế đều đã qua, đây là lời kết chung.

Khi ấy, kể có cho đến Phật Thế tôn, là phần thứ hai nói thẳng duyên gần. Tiếng Phạm là Lâu-di-đát-la, Hán dịch là Thế tự tại vương, vì đối với tất cả pháp được tự tại, tức là tên riêng, Đức của Phật có vô lượng thì tên cũng phải vô biên. Nay nêu lược tự lợi lợi tha để lập mười hiệu tức là hiệu chung. Tuy có mười hiệu nhưng lược có hai: Một là tên của tự đức, tức là năm tên trước; hai là tên làm lợi ích chúng sinh, tức là năm tên sau. Tên tự đức cũng có hai đối: Một là cặp Đạo Viên diệt cực, tức là Như lai, gọi là Đạo viên ứng cúng, gọi là diệt cực; hai là cặp Nhân mãn quả viên, tức là ĐĂNG Chánh Giác Minh Hạnh Túc, gọi là Nhân mãn như thứ lớp, giải hạnh đã tròn. Tên gọi Thiện thế là quả viên hưởng lên không trở lại. Tên gọi lợi vật cũng có ba: Một là cặp tổng danh xưng, tức bốn thứ trước là riêng, Vương xá tên sau là chung, đối vật mà không thêm tên Thế tôn; hai là cặp hóa trí hóa tâm, tức tên Thế gian giải là trí hóa tha, Vô thượng Điều ngự là tâm hóa tha; ba là cặp hóa năng hóa đức, tức tên Thiên Nhân sư là hóa tha năng, Phật là hóa tha đức, cho nên giải thích rõ mười hiệu rộng như trong Luận Du-già.

Lúc đó có vị vua cho đến Đạo ý chánh chân, là phần thứ hai, nói về thắng hạnh. Pháp sư Viễn nói khởi hạnh có hai từ đầu đến hết bài tụng là luận hạnh thế gian, tức những việc làm của bậc Địa tiên. Tỳ-kheo Pháp Tạng nói bài tụng này trở đi là nói về hạnh xuất thế, tức chỗ tu của bậc Địa Thượng. Đây e không phải, vì Bồ-tát Địa Thượng niệm niệm thường tu lợi ích các chúng sinh, tịnh Phật quốc độ, không phải năm kiếp chuyên tu nhận hạnh Tịnh độ. Nên nay lại có hai: Một là nói lược thắng hạnh; hai là nói rộng thắng hạnh. Phần một lại có ba: Một là nghe pháp phát tâm. Phát đạo ý Vô thượng, tức là thêm phát tâm, không trái với Quán Âm thọ ký trong kinh Bi Hoa.

Bỏ nước quên ngôi vua cho đến vượt cao hơn thế gian, là phần thứ hai nói tu đạo xuất tục. Sa-môn tức là nghĩa Sa-môn như đã giải thích ở trước. Ngài Bạch diên nói Đàm-ma-ca-lưu tức là Pháp Tạng. Ngài Chi Khiêm bỏ chữ lưu mà nói Đạo Bồ-tát, tức Bồ-tát Pháp Tích của Trí luận. Cao tài dũng triết là người tánh hạnh vượt cao ở đời, nên nói là vượt khác, đến chỗ Thế Tự Tại Vương quỳ xuống chấp tay, đây là phần thứ ba khen Phật khởi nguyện. Có ba: Một là thân lễ; hai là miệng khen; ba là tự thệ. Khể là dốc, thủ là đầu. Tức là đầu sát đất, lấy đầu tôn quý mà tiếp dưới chân nên gọi là khể thủ, ba vòng ý nói Như lai tu ba đức.

Lại tụng khen rằng: Đây là phần thứ hai miệng khen. Có hai: Một là tỏ văn, lời tụng hay cũng bao gồm nhiều nghĩa nên dùng bài tụng mà khen ánh sáng vòi vọi, là nêu ánh sáng cao quý. Nhan vòi vọi tức là nói thân cao quý.

Oai thần vô cực cho đến cũng như đồng mực, là giải thích khen ngợi. Có hai: Một là khen sáng vòi vọi. Oai thần tức là chỗ ánh sáng nương không ai bằng, giả là đối với kém khen vượt hơn, như đồng mực là so sánh việc mà khen hơn. Có thuyết chép: Diệu là năm ngôi sao là sai, tức ngài Bạch Diên nói cảnh không thể bằng, nghĩa là ánh sáng nhìn riêng. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng đối với ánh sáng của Phật cũng như đồng mực, như võ ốc để cạnh Ngọc Kha?

Dung nhan Như lai vượt hơn thế gian, không ai sánh bằng. Đây là giải thích nhân vòi vọi. Luân là bọn, đám người...

Tiếng lớn Chánh pháp vang khắp mười phương, là phần thứ hai, khen khẩu nghiệp, Đại âm là mật âm, tức tiếng của Như lai, không gì hơn tiếng Như lai nên nói là Đại âm hưởng, tức là âm hiển rõ, tùy theo cơ nghi mà phát ra có dừng hạn.

Giới, văn, tinh tấn tốt đẹp ít có, là phần thứ ba khen ý nghiệp. Có

hai: Một là khen nghiệp hơn, tức phẩm Bồ-đề; hai là khen quả hơn, tức là quả quả đều dứt. Phần một lại có hai: Một là khen hợp với việc là hơn; hai là Giới tức thể của nghiệp, do tư duy mà gieo trồng. Nghe tinh tấn... tức các quyền thuộc của nghiệp kia không thể bằng, nên nói là không bạn. Đức của Phật hơn các thứ khác nên gọi là ít có.

Thiện niệm sâu chắc cho đến cùng tận bến bờ: đây là khen chứng lý cao quý. Đế là xét kỹ, cùng pháp là pháp giới nhất chân, tức là trí hậu đắc tư duy sâu đế quán, xứng với pháp giới chân thật, nên nói là Thiện niệm. Trí Vô phân biệt thấu suốt cùng tột chỗ sâu kín chân thật, nên nói là cùng tận bến bờ.

Thế tôn hoàn toàn không còn Vô minh dục nộ, đây là hai nhân quả cao quý, ba độc đều hết.

Người hùng Sư tử cho đến rung chuyển Đại Thiên, là phần thứ tư khen chung ba nghiệp. Công huân rộng lớn, là khen quả của ý nghiệp. Huân là công, trí tuệ sâu mầu là khen dụng của ý nghiệp, tức khắp khen cao quý bất tận, nói lược giới văn... oai tướng sáng rõ là khen thân nghiệp cao quý. Rung chuyển Đại Thiên là khen tiếng nói của bậc Chánh giác. Đã có đức tốt đẹp này đáng gọi là người hùng Sư tử, thần đức vô lượng.

Nguyện tôi thành Phật cho đến đều được giải thoát, là phần thứ ba nói tự thệ. Có hai: Một là nguyện cầu khen ngợi, tức là mười bài tụng; hai là thỉnh Phật làm chứng, tức ba bài tụng. Phần một lại có hai: Một là nguyện cầu khen ngợi, tức Phật pháp thân; hai là nhân cầu chỗ nương, tức là Tịnh độ Phật. Phần một lại có ba, đây là cầu quả. Có thuyết chép: ngang hàng với Thánh Pháp Vương cầu tự đức của Phật vượt ra khỏi sinh tử là cầu đức lợi tha, không đúng. Hễ là Phật thì phải đủ hai lợi, nay tức là nguyện tôi thành Phật, ngang hàng với Thánh Pháp Vương là nguyện được đức vượt ra khỏi sinh tử, đều được giải thoát là nguyện bỏ tất cả (mới bỏ nguyện này).

Bố thí điều ý cho đến trí tuệ là trên hết, là phần thứ hai nói cầu nhân, có hai: Một là cầu nhân tự lợi, tức sáu độ. Bố thí để trị san tham cho nên nói là điều ý.

Tôi thề thành Phật cho đến làm an lành tất cả, đây là nguyện nhân lợi tha, nêu quả mà cầu nhân.

Dù cho có Đức Phật cho đến vững chánh không lùi, là phần thứ ba khen nguyện cao quý. Phật tức Phật bảo, Đại thánh tức là Tăng. Có thuyết chép: cúng dường Phật... cũng gồm Tăng Bảo là không đúng. Tuy là Phật nhưng nói các Đức Phật tức là biết hướng lên các bậc cao hơn.

Nên nay tức Phật là sở cúng dường, còn Đại thánh là năng cúng dường. Vô lượng Đại thánh tuy cúng nhiều Phật mà có hạn lượng bờ bến, thì không bằng cầu tâm Phật không lui sụt là vô biên. Khước là lùi.

Thí như cát sông Hằng cho đến oai thần khó lường, là phần thứ hai nói về quả Tịnh độ. Có ba: Một là khen các cõi Phật. Chiếu sáng khắp các nước tức là Phật phát ra ánh sáng trang nghiêm. Oai thần nước ấy khó lường, tức Phật dùng thần thông trang nghiêm cõi Phật ấy. Ở cõi ấy siêng thực hành hóa độ, nên nói là tinh tấn, hiện hóa tính đếm biểu thị nên nói là khó lường.

Khiến tôi thành Phật cho đến không ai sánh bằng. Kế đây là đối cầu cõi tốt đẹp, cõi nước tức là thế giới Cực lạc. Bạc nhất tức là các tướng trang nghiêm, kỳ diệu tức là các thứ bậc nhất. Đạo tràng tức là tòa bậc nhất. Như Nê-hoàn là vui sướng bậc nhất. Tiếng Phạm là Nặc-Phước, đời Nam Đường dịch là Viên Tịch. Nói Nê-hoàn là sai vì cõi ấy vui sướng đứng dưới Niết-bàn, cho nên đem thí dụ. Không cõi nào sánh bằng là cõi nước bậc nhất. Hễ nói bậc nhất, tức đối với ở dưới mà nói, không như thế thì trái với Hoa Nghiêm như trước đã nói.

Tôi sẽ thương xót cho đến ra sức tinh tấn sở dục (chỉ cho ham muốn) là phần thứ hai, thỉnh Phật làm chứng. Có hai: Một là thỉnh Phật hay Thế Tự Tại Vương làm chứng nguyện tôi không luống dối. Hạnh là nguyện, mong tin là thành, nguyện Phật biết thật rõ những điều mong cầu không luống dối chắc chắn được quả. Sở dục (những điều mong muốn) là công đức pháp thân và vui sướng Tịnh độ, hai quả ấy rất cố gắng siêng năng tu tập nên cố gắng hết sức.

Thế tôn mười phương cho đến nhẫn chịu không bao giờ ăn năn, là nói thỉnh Phật mười phương chứng biết hạnh không lui sụt. Đối với Phật kết thế thân dứt các khổ, siêng năng chịu đựng không hối hận.

Phật bảo A-nan cho đến giảng nói rộng kinh pháp, là phần thứ hai nói rộng hạnh tốt đẹp. Có hai: Một là chánh luận tu hành; hai là nhân hiển bày chỗ tu. Phần một lại có năm: Một là Pháp tạng thỉnh nói; hai là Như lai ngăn; ba là pháp Tạng lại thỉnh; bốn là Như lai hứa nói; năm là luận tu hạnh cao quý. Phần một lại có hai: Một là nhân trước mà chánh thỉnh; hai là phát giác tâm vô thượng tức là tâm nguyện được pháp thân và Tịnh độ của Phật ở trước.

Tôi sẽ tu hành cho đến gốc siêng năng khổ nhọc, là phần thứ hai nói về ý thỉnh nói. Sẽ tu hành, tức là tu hành Nhân của thân và cõi. Nhiếp cõi mâu tức là muốn được quả của cõi. Cho nên khiến thành Chánh giác tức là muốn chứng quả thân và cõi, cứu khổ sinh tử là muốn

lợi ích chúng sinh. Sinh tử là quả siêng năng khổ nhọc. Gốc tức là Nhân. Do nhân mà nhiều phen chịu khổ sinh tử nên gọi là gốc siêng năng khổ nhọc. Giáo hóa các chúng sinh khiến sinh Tịnh độ dứt hẳn các khổ nhân quả sinh tử. Cho nên cũng nói là bạt (nhỏ). Tức như thứ lớp sở tu, sở đắc, sở hóa.

Phật bảo A-nan cho đến ông phải tự biết, là phần thứ hai nói Phật chẳng chấp nhận. Nhiều là lời giải thích tự tại, đã phát đại nguyện ông cũng nên biết tức là lời trái với lời thỉnh. Tỳ-kheo bạch Phật cho đến viên mãn sở nguyện. Là phần thứ ba nói Pháp Tạng lại thỉnh. Hoàng là rộng lớn, tức nghĩa Thánh hạnh địa thượng rất rộng sâu. Không phải như cảnh giới mình cho nên lại thỉnh. Nhưng Phật ngăn nói ông nên tự biết, tức là chỗ tu của bậc Địa Tiên, nên không trái nhau. Có thuyết chép: Trong đây chỉ cầu Tịnh độ còn thân nhân lược không nói, là chẳng đúng. Như lai Tịnh độ tức trái nhau mà giải thích theo thứ lớp thân và cõi. Khi ấy, Phật Thế Tự Tại Vương cho đến mà nói kinh rằng, đây là phần thứ tư, Như lai nói cho nghe. Có hai: Một là nêu chung chấp nhận sẽ nói.

Thí như biển lớn cho đến nguyện nào chẳng được, là nêu riêng những điều cần nói. Có hai: Một là nhờ dụ khuyến tu. Hội cũng là ất. Khắc là bền, là được.

Do đó, Phật Thế Tự Tại Vương cho đến đều hiện cho thấy, là nói chánh thức đáp điều thưa hỏi, hai trăm mười ức cõi Phật tức là nói chung các cõi Phật Tịnh ược. Trời, người, thiện ác tức là nhân của các cõi. Sự thô diệu của cõi nước tức là quả của các cõi. Nên có bốn chép: sự thô diệu của cõi nước là nhiếp thân theo cõi nên chẳng nói riêng. Do đó không chỉ nói nhân quả Tịnh độ mà nói cả Ưế độ, là muốn cho bỏ thô ác mà tu điều tốt lành. Cho nên chẳng những nói cho nghe mà còn hiện cho thấy, nên theo tâm mà hiện cho thấy. Tức hai ngài Bạch Diên và Chi Khiêm nói Phật Lô-di-đát-la rồi. Đàm-ma-ca nhất tâm liền được thiên nhân thấy suốt trời, người thiện ác, cõi nước xấu đẹp trong hai trăm mười ức cõi nước các Đức Phật. Lại các cõi nước này không phải do gần gũi chọn lựa cõi nào ứng cơ hợp ý mà thấy được. Nếu không thế thì trái với kinh của Bạch Diên và Chi Khiêm nói Đức Phật ấy chọn lựa các cõi nước tốt xấu và trời, người thiện ác trong hai trăm mười ức cõi nước các Đức Phật cũng chẳng khó nói. Hễ người nào thấy các cõi nước trong ánh sáng đã không có cõi ược thì làm sao lại hiện xấu ác cho Pháp Tạng? Cơ mong muốn đã khác thì Thánh cũng chẳng phải một. Nếu không như thế thì phàm người đã chán Ưế độ mà cầu chỗ tịnh, thì phải

hiện Tịnh độ theo chỗ mong cầu mới được nhiếp thọ.

Khi Tỳ-kheo ấy cho đến nguyện cao siêu, là phần thứ năm nói chánh tu hành. Có ba: Một là thấy tướng phát nguyện. Đã thấy tướng Tịnh độ được cầu nhiếp nhau với nguyện Tịnh độ càng sâu nên nói vượt phát thắng nguyện.

Tâm ấy vắng lặng cho đến hạnh thanh tịnh. Đây là phần thứ hai nói y nguyện tu hành. Có thuyết chép: Chứng trí thì lìa tướng, nên nói vắng lặng vượt hơn Địa tiền nên không thể sánh kịp là không đúng. Vì trí vô phân biệt chẳng thể là nhân duyên Sự độ, cũng không thể y theo Lý mà nói hạnh Địa thượng. Có thuyết nói hạnh Tịnh độ tuy rất nhiều nhưng chỉ có hai loại: Một là duyên theo sự mà thành gọi là niệm Phật; hai là y lý mà thực hành là dứt phan duyên. Đây tức một, là xưng danh Di-đà, cho nên thuộc về biệt hạnh của Cực lạc; hai là Chung cho các cõi Phật mà thực hành gọi là tâm vắng lặng không mê đắm, đây cũng không đúng, vì trái với nguyện mà tâm muốn, kết được hai mươi bốn nguyện này liền vãng làm. Nguyện mà Tâm muốn là cõi Cực Lạc không thể nói là hạnh chung cho các cõi. Nên nay Tịnh độ muốn hiện thì nhất định là gốc. Tâm vắng lặng ấy tuệ dắt dẫn đến Định nên nói không mê đắm, gọi đó là tâm quán. Nói nghiệp Tịnh độ chính là gốc lành phương tiện tốt nhất để ra khỏi thế gian. Tất cả thế gian không thể sánh kịp là sở do của phẩm Vô Phân Biệt, năm kiếp nghĩ nhiếp hạnh cõi Phật, tức là phương tiện của Trí hậu sở đắc. Có thuyết chép: năm kiếp mà chỉ tu một hạnh, đó gọi là tâm vắng lặng chí không mê đắm, là không đúng. Nguyện đã bốn mươi tám, thì hạnh chắc chắn chẳng phải một. Tức trải qua năm kiếp tu tập các hạnh của cõi ấy. Trong đây có nói Pháp Tạng ở tâm thứ sáu trong Thập trụ chiết pháp không vị là đó. Có người hỏi rằng nếu ở tâm thứ sáu đã tu Nhân Tịnh độ thì trong cõi Tây phương nên không có Hóa chủ, đều không đúng. Nếu tâm thứ sáu thì nên nói nhiếp thủ vị nào mà tu hạnh Tịnh độ? Lại Nhân tu cõi bèn hiện Tịnh độ là hóa độ của các Đức Phật chẳng lúc nào không có, phải biết thứ lớp mà giải thích câu hỏi. Có thuyết nói: Pháp Tạng là Bồ-tát Bát địa trở lên, phát các Đại nguyện tu nhân Tịnh độ là biến dịch. Nên hỏi vặn rằng lại thành lỗi cõi ấy là vô chủ, đây cũng không đúng. Bồ-tát Bát Địa trong từng niệm thấy khắp vô lượng cõi Phật, thì chẳng thể nói là thấy hai trăm mười ức cõi. Cho nên nay Pháp Tạng là Bồ-tát Thập Hượng mãn vị cho nên năm kiếp tu hành nhân Tịnh độ. Kiếp thứ nhất hạnh mãn rồi gọi là Nhiếp Thủ không nên vặn hỏi. Bồ-tát Sơ Địa thấy trăm thế giới Phật, vì sao Pháp Tạng thấy cõi như thế mà không trái

nhau là nhờ sự che chở của Phật mà thấy, cũng là vượt hơn địa vị trên. Bồ-tát Sơ Địa thực hành gia hạnh thì lại thấy hơn ở đây.

A-nan bạch Phật cho đến hạnh tu tập. Đây là phần thứ ba theo lời vấn hỏi mà giải thích lại. Tuổi thọ của Phật không thể ngắn hơn năm kiếp, vì hạnh thanh tịnh nên nói Phật ấy thọ bốn mươi hai kiếp để giải thích nghi này. Có thuyết chép: Đức Phật ấy sống lâu nhiều kiếp, khi kiếp hết, chúng sinh tuy thấy kiếp hết thiêu đốt nhưng cõi ấy vẫn an ổn. Cho nên Bồ-tát pháp Tích năm kiếp tu hành nhân thanh tịnh tức đồng như kinh Pháp Hoa nói chúng sinh thấy bị thiêu, cõi ta vẫn an ổn, trời, người thường đầy đủ. Đây e không đúng. Kinh Pháp Hoa nói luận tự giải thích rằng Báo Phật Như lai thanh tịnh chân thật thì biết cõi ấy là tha thọ dụng. Tha thọ dụng thì tuổi thọ của Phật là vô lượng không thể nói bốn mươi hai kiếp. Cho nên nay tức là bốn mươi hai kiếp. Bởi số kiếp như cho nên trái năm kiếp nhiếp hạnh Tịnh độ không phải kiếp hết. Phật Đại thông tuổi thọ không thể tính đếm số kiếp còn chưa phải là Tịnh độ, thì sao bốn mươi hai kiếp mà gọi là Tịnh độ.

Như thế tu xong cho đến hạnh thanh tịnh, là phần thứ hai nói sự tu hành có hai: Một là nói sự tu hành; hai là nói tu thắng hạnh. Phần một lại có sáu: Một là Pháp tạng bù ngùi; hai là Như lai bảo nói; ba là Thế pháp tuyên nguyện; bốn là lập thế tự chế; năm là khế hiện điềm lành; sáu là kết khen chung.

Phật bảo Tỳ-kheo cho đến vô lượng đại nguyện, đây là phần thứ hai Phật khuyên nói. Tất cả đại chúng tức là phàm phu, Nhị thừa, pháp Tạng nói xong lời phát nguyện thì đại chúng đều nguyện sinh về cõi ấy, nên nói phát khởi vui vẻ. Có thể Bồ-tát nghe nói cũng đồng phát nguyện, nên nói tu hành tức là tu hành nhân duyên nguyện này đến mãn Đại nguyện.

Tỳ-kheo bạch Phật cho đến sẽ nói đầy đủ. Là phần thứ ba, tự tuyên phát nguyện. Có hai: Một là theo lời khuyên liền hứa nói.

Nói tôi thành Phật cho đến không thành Chánh giác, là nói nguyện của mình. Song Pháp Tạng phát nguyện ba đời kinh bốn có số khai hợp thứ lớp khác nhau. Nên nay dùng hai mươi bốn nguyện của hai ngài Bạch Diên và Chi Khiêm mà đối với bốn mươi tám nguyện của ngài Pháp Hộ mà lược bỏ để giải thích văn hoằng thế. hai bản kinh của Bạch Diên và Chi Khiêm đều có hai mươi bốn nguyện, ý đều khác lạ, Bạch Diên chọn trong kinh này hai mươi bốn nguyện, Túc Bảo Bát Nguyện là hai mươi bốn nguyện, Chi Khiêm cũng chọn hai mươi bốn nguyện trong bốn mươi tám nguyện lại thêm Bảo Bát và ba thông Nhãn, Nhĩ, Thân

Cảnh và trí biện của Phật ấy làm hai mươi bốn nguyện. Lại hai kinh ấy đã chép ra từ bốn mươi tám nguyện mà thứ lớp khác với kinh này. Các nguyện số bảy, mười bốn, mười hai, mười ba, mười chín, hai mươi hai, hai mươi lăm kinh này thì theo bản của ngài Bạch Diên là nguyện số chín, mười hai, mười ba, mười bốn, mười tám, hai mươi, hai mươi bốn nên khai hợp cũng khác nhau. Lại hợp nguyện hai mươi ba, hai mươi bốn thành nguyện hai mươi hai, hai mươi bảy, Bảo Bát nguyện là nguyện hai mươi ba, lược bỏ nguyện mười tám này và nguyện hai mươi kia trong đây không có. Hai mươi bốn nguyện của ngài Chi Khiêm thì thứ lớp cũng khác. Các nguyện thứ ba mươi lăm, ba mươi tám, hai mươi bảy, hai mươi, mười tám, mười chín, ba mươi hai, mười sáu, hai mươi mốt, hai mươi lăm, mười ba, mười bốn, mười lăm, hai mươi tám, ba mươi ba của kinh này theo thứ lớp của kinh ấy là nguyện số tám, mười, mười một, mười lăm, sáu, mười chín, hai mươi, hai mươi mốt, hai mươi hai, hai mươi ba, hai mươi bốn. Cho nên khai hợp cũng khác. Hợp nguyện hai mươi ba, hai mươi bốn ở đây thành nguyện mười ba. Hợp nguyện thứ năm, sáu, bảy thành nguyện hai mươi hai, cho nên có không cũng khác. Nguyện mười bốn ở kia, nguyện mười bảy về ba Thông, nguyện mười tám Trí Biện của Báo Bát thì trong kinh này không có. Còn nguyện hai ở đây thì ở kinh ấy không có. Sở dĩ có khác nhau là do bản chữ Phạm có thiếu đủ nên dịch ra như thế. Suy nghĩa mà nói thì kinh của ngài Pháp Hộ có thể coi là chỉ nam. Hỏi “Bản thệ của các Đức Phật là giống nhau hay khác nhau, nếu khác thì trái với kinh Hoa Nghiêm chép: Tất cả các Đức Phật đều đầy đủ tất cả nguyện thì mới thành Phật. Nếu giống thì cũng trái với kinh Dược Sư có mười hai Bốn nguyện, Di-đà có bốn mươi tám nguyện nên đáp rằng không có một Phật nào thiếu một hạnh nguyện mà thành Đạo được. Cho nên đều giống nhau, nhưng đối với cơ duyên hóa độ có thuận thực hay chưa thuận thực khác nhau. Cho nên Phật Dược Sư ở cõi này đối với chúng sinh có mười hai nguyện cứu khổ thì duyên đã thuận thực, cho nên không nói bốn mươi tám nguyện. Còn Di-đà Như lai có bốn mươi tám nguyện ở vị lai lạc duyên đã chín nên không nói mười hai nguyện. Do đó các Đức Phật có thệ nguyện chưa hẳn đã toại quả, mà Bồ-tát Pháp Tạng phát nguyện đều thành. Cho nên bốn mươi tám nguyện lược có ba ý:

1. Nguyện cầu thân Phật;
2. Nguyện cầu cõi Phật tức là nguyện ba mươi mốt, ba mươi hai.
3. Nguyện lợi ích chúng sinh tức nguyện bốn mươi ba.

Dùng ba ý này để giải thích văn bốn mươi tám nguyện, thì một

là từ nguyện bảy đến mười một là nguyện nhiếp chúng sinh; hai là hai nguyện kế là nhiếp thân Phật; ba là ba nguyện kế là nhiếp chúng sinh; bốn là một nguyện nhiếp thân Phật; năm là mười ba nguyện là nhiếp chúng sinh; sáu là hai nguyện nhiếp cõi Phật; bảy là mười sáu nguyện sau là nhiếp chúng sinh - Phần một lại có hai: Hai nguyện đầu là nguyện lìa khổ, chín nguyện sau là nguyện được vui. Phần một lại có hai, nguyện đầu không có khổ khổ, hễ nói nguyện là nghĩa mong cầu nên nói nếu tôi thành Phật... Lại nói thế tức là nghĩa yêu cầu, không thành Chánh giác là trường hợp đó. Nếu các nguyện không thỏa mãn thì không bao giờ thành Phật. Cho nên nếu nguyện không trọn mà được thành thì thế cuối cùng chẳng thành Phật. Cho nên các nguyện khác đều có hai câu này, nên đúng lý mà suy xét.

1. Nếu tôi thành Phật cho đến không thành Chánh giác, là nguyện không có hoại khổ.

2. Nếu tôi thành Phật cho đến không thành Chánh Giác, là thứ hai nguyện được vui, có hai, hai nguyện đầu là nguyện được thân vui.

3. Nếu tôi thành Chánh giác, là bảy nguyện sau, nguyện được tâm vui.

Có sáu, đây là một nguyện được vui tức mạng.

4. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là hai, nguyện được vui Thiên nhân.

5. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là ba, nguyện được vui Thiên nhĩ.

6. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là năm, nguyện được vui Thần thông.

7. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là sáu, nguyện được vui Lưu tận. Có hai, một là thể của lưu tận. Tưởng niệm tức là chướng sở tri, tham thân tức phiền não chướng, dứt hết cả hai lưu chướng này.

8. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là nói sau vị lưu tận, từ Thập tín trở lên đều gọi là Chánh định tụ pháp. Nói trụ là từ chung cho cả Chánh phụ.

9. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là nguyện thứ hai nhiếp thân Phật. Có hai, đây là một, nguyện có màu vàng.

10. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là nguyện được sống lâu.

11. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là nguyện thứ ba nhiếp chúng sinh. Có ba. Đây là một, nhiếp quyến thuộc.

12. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là kế nguyện được sống lâu.

13. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là nguyện lìa bỏ ganh ghét.

14. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là nguyện thứ tư, nhiếp pháp

thân. Tứ là khen. Ta là khen, than.

15. Nếu tôi... Chánh giác, là nguyện thứ năm, nhiếp chúng sinh. Có hai, bốn nguyện đầu là nguyện nhiếp trời, người, chín nguyện sau là nguyện nhiếp Bồ-tát. Phần một lại có hai: Một là nhiếp người vãng sinh; hai là nhiếp báo được sinh. Phần một lại có ba, đây là nguyện nhiếp thượng phẩm. Có thuyết chép: Một là hạ phẩm; hai là thượng phẩm; ba là trung phẩm, là không đúng. Chẳng phải chỉ rời thứ lớp mà còn trái với Quán kinh, không trừ người gây ra năm tội nghịch. Nhưng kinh ấy nói gây ra năm tội nghịch được sinh Tịnh độ là trái với nguyện này đã chép: “Chỉ trừ người gây ra năm tội nghịch, hủy báng chánh pháp”. Mọi người giải thích theo xưa tự thành trăm nhà. Có thuyết chép: Cũng cho hủy báng chánh pháp được sinh, chỉ trừ người gây ra năm tội nghịch. Có vấn nạn lời này. Nên kinh ấy cũng nói đủ các bất thiện. Nếu không chê chánh pháp, không thể nói đủ các bất thiện thì làm sao mà nói chỉ gây ra năm tội nghịch đều được sinh Tịnh độ. Lời vấn nạn này sai. Nếu bảo kinh ấy nói đủ các Bất thiện cho nên cũng nhiếp cả chê bai pháp, tức năm tội nghịch cũng thuộc về các Bất thiện. Nên chẳng cần nói riêng. Nay nên thuận theo và nói nghĩa nhóm họp mà giải thích trái nhau. Giải thích trái nhau là nghĩa tránh điều tranh cãi, cho nên tội đã riêng thì tên cũng riêng. Có thuyết chép: Đây trừ không hối, kia lại nói hối. Đây cũng không đúng. Đã trong mười niệm, một niệm riêng diệt được tội nặng sinh tử tám mươi ức kiếp, nên không hối và chẳng hối khác nhau. Nếu lại có pháp sám hối khác thì ở văn Hạ phẩm hạ sinh đều không có. Có thuyết chép: Đối với người chưa gây tội thì nói trừ, đối với kẻ đã gây tội thì nói sinh. Đây cũng không đúng. Chưa gây ra còn trừ huống chi đã gây ra. Nếu đã gây ra khiến tiến lên mà không có lỗi này còn chưa gây ra mà khiến lui ư? Nói chánh năm tội nghịch thì trừ loại năm tội nghịch là không sinh. Đây cũng không đúng, không có Thánh giáo nào nói loại năm tội nghịch gọi là năm tội nghịch. Không thể kinh ấy gọi năm tội nghịch là loại. Có thuyết chép: Nếu tâm nặng tạo thì trừ, còn tâm nhẹ tạo thì được sinh. Đây cũng không phải, chê bai Chánh pháp thì có nặng nhẹ, chẳng thể nói trừ chẳng sinh. Có thuyết chép: Trừ tức là gây ra năm tội nghịch bậc thứ ba, còn Sinh là gây ra năm tội nghịch bậc hai. Đây cũng không đúng. Chúng sinh có ba lỗi đối với Thánh giáo. Nếu có Thánh nói thì cũng trái với tự hứa. Người bậc thứ ba không thực hành pháp chung có nghịch hay không nghịch đều chẳng được sinh. Nếu đúng như lời nói thì chỉ trừ có người bậc ba mà nói, trừ nghịch chỉ là lời nói luống dối. Có thuyết chép: Trừ là trước ngăn sinh, sau là mở. Đây cũng

không đúng. Trước ngăn nếu thật sinh, sau mở thì thật phải chẳng sinh. Có thuyết chép: Chưa phát tâm Bồ-đề mà gây ra tội nghịch thì trừ, đã phát tâm Bồ-đề mà làm nghịch thì sinh, cũng chẳng phải. Đã phát tâm Bồ-đề nếu có lui sụt thì phải như chưa phát tâm, tức chẳng được sinh. Nếu chẳng lui sụt thì sẽ chẳng làm nghịch. Có thuyết chép: Trừ tức là đối Phật nói năm tội nghịch quyết định, còn sinh là đối Phật nói năm nghịch đều bất định. Đây cũng không đúng. Vì bất thiện mà thuận sinh, sau chịu nghiệp thì phải xếp năm tội nghịch này vào tội lớn. Có thuyết chép: nếu đời trước là vô đạo đã gây ra năm tội nghịch thì không sinh. Theo lý nếu trước phát tâm Bồ-đề tuy lại gặp duyên gây ra năm tội nghịch thì phải rất hối lỗi cũng được vãng sinh, người ở đường lành mà có gây ra năm tội nghịch và chê bai Chánh pháp thì hai văn đều nói giống nhau không trái. Đây cũng không đúng. Nói đời trước phải vô dụng nên hiện phát tâm Bồ-đề mà gặp duyên gây ra tội nghịch thì lẽ ra cũng sinh. Lại đường lành kia là thập tín nên gây tội nghịch, chê bai pháp, thì không có lý này như trước đã nói. Có thuyết chép: Người một niệm niệm Phật thì trừ, người mười niệm niệm Phật thì sinh. Đây ắt không đúng. Tức trái đây nói dù chỉ mười niệm. Có thuyết chép: trừ là đủ mười, nếu không đủ mười thì không được sinh. Sinh thì chỉ đủ mười câu. Đây cũng không đúng. Tuy gồm chẳng đủ mười câu thì cũng nói là đủ mười câu, phải như kinh ấy không thể trừ. Cho nên nay tức kinh này trong ba nhóm sinh trên chắc chắn không có gây ra năm tội nghịch nên trừ đi. Còn kinh kia nói Hạ sinh tuy có gây ra năm tội nghịch nhưng nếu đủ mười niệm thì cũng được sinh, cho nên không trái. Có thể giải thích mà không vặn hỏi. Nói Trung phẩm ba nhóm sinh thì cũng không có gây ra năm tội nghịch. Chẳng cần trừ là phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, tức là nghĩa không gây ra tội nghịch đã rõ. Chỉ tội chê bai Chánh pháp đã sâu nặng, trong vô số kiếp chịu khổ báo, thì dù có đủ mười câu chắc chắn cũng không được sinh. Vì Thánh giáo không có dị thuyết, dung túng những kẻ bất thiện. Vì rất khó. Cho nên có thuyết chép: kinh này nói mười niệm là y vào mười pháp mà niệm chớ không phải là danh hiệu Phật, tức là mười niệm mà ngài Di-lặc hỏi. Đây cũng không phải mười niệm của kinh ấy không phải phạm phu cũng không phải chỗ tu của Thượng phẩm tam sinh. Cho nên ở đây tức là đồng với mười niệm của Quán kinh, bậc thượng cũng tu mười niệm, lý không trái. Muốn nói một, hai... nên nói “Cho đến”. Muốn nói lại thôi, nay lại giải thích bản văn này.

Nếu tôi cho đến Chánh giác, đây là kế nhiếp trung phẩm. Đã nói

phát tâm Bồ-đề thì biết rằng nếu chẳng phát tâm thì bậc Thánh tuy chẳng đón cũng không trái với bản nguyện.

Nếu tôi cho đến Chánh giác, đây là nhiếp Hạ phẩm. Có thuyết chép: Nhiếp luận tuy nêu nguyện thì ý cũng nói niệm Phật là ý lúc khác. Có thuyết chép: Đó không lấy niệm Phật làm ý lúc khác. Luận Vãng Sinh lại chép: Niệm Phật liền sinh, chẳng phải lúc khác. Luận vãng sinh và Nhiếp Luận đều giải thích theo lý của Thiên Thân thì ắt phải đồng mà không thể trước sau có trái nhau. Nhưng các chúng sinh tuy nghe giáo Tịnh độ mà chê bai không tin, thì tự đắm chìm trong đường ác. Hoặc tin không chê bai nhưng bị ái dục cột trói không dám phát nguyện, hưởng chi cũng tu hành. Hoặc có chúng sinh nghe nói liền phát thệ nguyện muốn sinh, nhưng lại gặp bạn ác, gây nhiều nghiệp ác, khi chết thì không gặp bạn lành nên không thể niệm Phật. Tuy không sinh liền nhưng đó là nhân xa, Phật cũng khen loại này có thể sinh về cõi Cực lạc. Người ngu bảo đó là không tu nhân mà được vãng sinh. Cho nên Thích luận nói là ý lúc khác. Cả hai đều không đúng. Hoặc nguyện, hoặc niệm đều là nhân xa đối với Tịnh độ. Nếu không như thế thì trái với mật ý như trước đã nói. Nếu các chúng sinh phát nguyện niệm Phật thì liền sinh hóa độ. Cho nên văn này nói kệ niệm nước ta tức là hạnh vãng sinh.

1. Nếu tôi cho đến Chánh giác, đây là nguyện thứ hai nói báo được sinh.

2. Nếu tôi cho đến Chánh giác, đây là nguyện thứ hai nhiếp Bồ-tát. Có hai: Một là nhiếp Bồ-tát cõi ấy - Thường luận là thuộc nhóm phàm phu. Các địa cũng là Địa kiếp sơ.

3. Nếu tôi cho đến Chánh giác, đây là nguyện nhiếp Bồ-tát cõi mình. Có tám, đây là Vương xá nguyện nương năng lực Phật cúng dường Thánh.

4. Nếu tôi cho đến Chánh giác, đây là phần thứ hai, nguyện đồ cúng tùy ý muốn.

5. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là phần thứ ba, nguyện nói pháp đều cao quý.

6. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là phần thứ tư, nguyện thân được bền chắc. Na-la-diên tức ngài Chân-Đế dịch là Thiên lực sĩ (Lực Sĩ cõi trời).

7. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là phần thứ năm, nguyện có mâu sáng đặc biệt khác lạ.

8. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là phần thứ sáu, nguyện thấy biết

cây đạo.

9. Nếu tôi cho đến Chánh giác, là phần thứ bảy, nguyện có bốn biện tài vô ngại: Một là nếu tôi cho đến Chánh giác, là phần thứ tám, nguyện được tuệ biện vô lượng. Hai là nếu tôi... Chánh giác, là phần thứ sáu, nguyện nhiếp cõi Phật. Có hai, đây là một nguyện có công đức hình sắc. Ba là nếu tôi cho đến Chánh giác, là nguyện có công đức trang nghiêm. Bốn là nếu tôi cho đến Chánh giác, thứ bảy, nguyện nhiếp chúng sinh. Có năm: Một là nhiếp chúng sinh cõi khác. Lại có hai: Một là nguyện mong ánh sáng được lợi. Năm là nếu tôi cho đến Chánh giác, là nguyện nghe tên được lợi ích. Có bốn: Một là Pháp nhãn tổng trì. Sáu là nếu tôi cho đến Chánh giác, đây là thứ hai, nguyện lia bỏ ganh ghét. Nhưng Âm Thịnh Vương nói Phật A-di-đà có cha mẹ. Có thuyết chép: đó là hiển bày cõi uest, Phật có cha mẹ chẳng phải là Tịnh độ, thì chẳng trái: văn này tự nói Ma Vương gọi là Vô Thắng Đề-bà-đạt-đa dịch là Tịch. Có thuyết chép: Không đúng, tuy có Ma Vương nhưng tự giữ gìn. Nếu không thế tức là trái với kinh Pháp Hoa nói Tịnh độ Âm Quang thì ma là ma dân đều che chở giữ gìn Phật pháp. Cho nên nói kinh ấy hiển bày cõi biến hóa. Cũng có người nữ tự nói chỗ sinh lia hản thân uest dục ở bào thai. Mà không có người nữ tức là do cõi thọ dụng còn đây là nói Bồ-tát Thiện Thuận ở kinh Anh Lạc. Như kinh ấy quyển mười một giải thích tuệ trí tạo Tịnh độ của Như lai nói rằng: Chỉ nam nữ chúng sinh không như ở cõi nước A-di-đà, người đắc đạo tuy có nam nữ nhưng không có dục nam nữ. Đây là không đúng. Đã nói chúng sinh nam nữ chẳng bằng cõi Di-đà là không nói có người nữ. Có thuyết chép: kinh ấy nói có cha mẹ thành ấp... đều là pháp công đức. Như kinh Duy-ma nói Trí độ là mẹ Bồ-tát phương tiện là cha. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói Văn-thù-sư-lợi ở Giác thành phương Đông gặp Đồng Tử Thiện Tài. Kinh nói: giác thành còn gọi là công đức nên không trái, có thể giải thích. Đây cũng không phải thân tự thọ dụng sẽ do Trí độ và dùng phương tiện nên có cha mẹ mà hứa thì không có lỗi nào lớn hơn. Nay có hai nghĩa: Một là Phật ấy tuy có mẹ mà là biến hóa, chỉ Phật mới có. Nói không có người nữ là trừ mẹ Phật ra thì không có hóa nữ, huống là thật có nên không trái; hai là Theo kinh Bi Hoa thì hoặc có Bồ-tát sinh về cõi nước ấy tu hạnh Bồ-tát, tức ở cõi nước ấy mà thành Đẳng Chánh Giác. Hoặc có Bồ-tát ở thế giới này sinh về đó rồi tu hành đến ở cõi khác mà thành Đẳng Chánh Giác. Long Nữ trong kinh Pháp Hoa cũng thuộc về loại đó. Do bốn nguyện khác nhau nên hiện khác. Nay Phật A-di-đà vì cũng ở các cõi nước khác mà thọ thân thai sinh, tu

hạnh Bồ-tát, đến Tịnh độ Phật Tôn Âm mà thành Phật Đạo. Nên Kinh Âm Dương chép: có cha mẹ là nơi cõi nước chỗ sinh ra, nói có Tịnh độ tức là thế giới thành Phật thì đều không trái. Lược mở hai đường, người học nên suy nghĩ, muốn nói lại thôi, nên theo văn gốc.

Nếu tôi cho đến Chánh giác, là thứ ba, nguyện thường tu phạm hạnh.

Nếu tôi cho đến Chánh giác, là thứ tư, nguyện lễ kính .

1. Nếu tôi cho đến Chánh giác, đây là thứ hai, nguyện nhiếp chúng sinh nước mình. Có ba: Một là nguyện y phục tùy theo ý muốn.

2. Nếu tôi cho đến Chánh giác, hai là nguyện thọ Vui không mất.

3. Nếu tôi cho đến Chánh giác, ba là nguyện thấy khắp các cõi Phật.

4. Nếu tôi cho đến Chánh giác, đây là thứ ba, nguyện lợi ích chúng sinh ở phương khác. Có năm: Một là nguyện các căn đẹp đẽ.

5. Nếu tôi cho đến Chánh giác, hai là nguyện đủ hạnh chỉ quán.

6. Nếu tôi cho đến Chánh giác, ba là nguyện vật hóa hiện cao quý.

7. Nếu tôi cho đến Chánh giác, bốn là nguyện phước trí song tu.

8. Nếu tôi cho đến Chánh giác, năm là nguyện không lìa các Đức Phật. Phổ là trùm khắp. Đẳng là bằng nhau, là sự thấy biết rộng khắp, Phật Phật đều thấy. Chỗ trụ nhất định nên gọi là phổ đẳng.

9. Nếu tôi cho đến Chánh giác, bốn là nguyện lợi ích ở cõi mình, tức là nghe pháp tự tại.

10. Nếu tôi cho đến Chánh giác, bốn là nguyện nhiếp các phương khác. Có hai: Một là nguyện cố gắng không lui sụt.

11. Nếu tôi cho đến Chánh giác, đây là nguyện tự lực không lui sụt. Có thuyết chép: Pháp nhẫn một hai, ba là năm nhẫn trong Nhân Vương Bát-nhã, theo thứ lớp là Phục nhẫn, Tín nhẫn, Thuận nhẫn. Đây e không đúng. Vì Tín nhẫn là Sơ, Nhị, Tam Địa. Thuận nhẫn là Tứ, Ngũ, Lục Địa thì làm sao chỉ nghe danh hiệu Phật ấy mà được hai nhẫn. Bảo rằng nghe tên thì lần lượt được, thì cũng nên nói là được năm nhẫn. Cho nên nay Phục nhẫn ba vị gọi là ba pháp Du-già, cũng gọi là Địa thắng giải hạnh, có ba nhẫn hạ, trung, thượng phẩm.

Phật bảo A-nan cho đến dùng kệ khen rằng, đây là phần thứ tư, tự thệ cảm điềm lành. Có hai: Một là là Tỏa văn.

Tôi lập nguyện vượt hơn thế gian cho đến chẳng thành Chánh giác, đây là lập thệ. Có hai: Một là lập thệ; hai là xin điềm lành. Phần một lại có hai: Một là phản thệ; hai là thuận thệ. Phần một lại có hai:

Một là đối tự đức của Phật mà thệ. Kiến là khởi, tức trước nguyện thân và cõi Phật vượt hơn thế gian. Nguyện sẽ khởi thực hành, chắc chắn đến Đạo Vô thượng.

Tôi trong vô lượng kiếp cho đến thế không thành Đẳng giác, đây là đối với hóa đức của Phật mà thệ. Có hai: Một là thệ tài thí hóa lợi. Kinh này không nhất định, có chỗ chép: không làm đại thí chủ cứu giúp khắp những người nghèo khổ. Có chỗ nói không làm đại thí chủ thì không bao giờ cứu giúp những người nghèo khổ. Bốn xưa phải có người giải thích lời nói này. Nói pháp thí hóa ích là không đúng. Muốn cứu giúp người nghèo khổ thì phải thí tài vật.

Tu đến thành Phật đạo cho đến thế không thành Đẳng giác, là đối với pháp thí mà thệ, tuy nêu thính danh nhưng ý ở ngôn giáo. Lìa dục, Chánh niệm sâu cho đến làm thầy các trời, người, là phần thứ hai, nói về thuận thệ, có hai: Một là lược thệ. Lìa dục, chánh niệm tịnh tuệ Phạm hạnh là nhân của thệ, cầu Đấng Vô Thượng làm thầy trời, người là quả của thệ.

Thần lực bày ánh sáng rực rỡ cho đến thông đạt cửa đường lành, đây là thệ rộng. Có hai: Một là rộng khen Đức của Phật; hai là tổng kết lập thệ. Phần một lại có bốn: Một là khen hóa đức, bày ánh sáng chiếu khắp tức là thân nghiệp hóa độ, sáu câu kia đều là khẩu nghiệp hóa độ. Trừ ba câu giúp các nạn là hóa độ Tiểu thừa, ba câu tức là tham, sân, si. Mở mắt trí, diệt mù tối là hóa độ Đại thừa. Đóng đường ác, mở đường lành là hóa độ trời, người.

Công tộ thành đầy đủ cho đến tất cả ẩn không hiện, là phần thứ hai, khen tự đức. Tộ là giúp, phước. Tập là tập, nhiếp. Công tộ thành đầy đủ tức là đức thể quả phước đều thành tựu. Oai sáng sáu phương là ánh sáng rộng lớn. Ánh sáng trời tắt mất là ánh sáng kỳ diệu hơn hết. Hoặc có bốn chép: ánh sáng của mặt trăng, mặt trời tất cả đều ẩn mất, nghĩa đó không trái. Ánh sáng của Phật rực rỡ chói lòa nên ánh sáng của mặt trăng, mặt trời không còn sáng nữa. Nên nói là tập trùng huy.

Vì chúng mở kho pháp cho đến nói pháp sư tử rống, đây là phần thứ ba, lại khen đức hóa.

Cúng dường tất cả Phật cho đến thông suốt đều chiếu sáng, là phần thứ tư lại khen tự đức.

Nguyện năng lực công đức của tôi đều bằng bậc trên hết này, đây là thứ hai, kết thệ.

Nguyện này nếu kết quả cho đến sẽ rải hoa quý giá nhiệm mầu như mưa, đây là phần thứ hai, điềm lành thưa hỏi.

Phật bảo A-nan cho đến tung rải lên trên, là phần thứ năm, theo lời xin, hiện điềm lành. Có hai: Một là theo lời thệ hiện điềm lành.

Âm nhạc tự nhiên cho đến Vô thượng Chánh giác, là phát lời khen thọ ký. Do đó Pháp tạng cho đến rất ưa vắng lặng, là phần thứ sáu, là kết khen chung.

Lúc đó A-nan cho đến lập nguyện này rồi, là phần thứ hai nói tu hạnh cao quý. Có hai: Một là kết nguyện cao quý. Có thuyết chép: Phát thệ lớn này tức lập bốn mươi tám nguyện này là lập thệ nguyện, là không đúng. Kinh trước nói nguyện, sau nói thệ. Cho nên ở đây tức thệ nguyện sâu rộng là kết lời thệ trái với thuận. Nguyện này là bốn mươi tám nguyện. Từ sau hướng về trước mà kết nên không lỗi.

Một bề chuyên chí trang nghiêm cõi nước chính là nói hạnh cao quý. Có hai: Một là tu hạnh cõi; hai là tu hạnh thân. Phần một lại có hai: Một là tu nhân. Chỗ tu cõi Phật cho đến không thương không tiếc, đây là nói quả. Khôi khuếch rộng lớn là vô lượng đức thành, nên luận nói rất ráo như hư không, rộng lớn không bờ bến. Riêng đẹp hơn hết là cõi cao quý là không đúng. Vì các cảnh Bồ-tát nên thường kiến lập như thế. Nhân trọn thì quả lập, không đổi khác, không thương không tiếc là không bị ba tai phá hoại.

Chẳng thể suy nghĩ bàn luận cho đến vô lượng đức hạnh, là phần thứ hai, nói về hạnh tu thân. Có hai: Một là tu nhân; hai là khen quả. Phần một lại có ba: Một là nêu chung; hai là giải thích riêng; ba là kết. Đây là một. Huỳnh Đế Toán có ba phẩm, lại nêu mười ngàn ức là một triệu, mười ngàn triệu là một kinh, mười ngàn kinh là một cai, mười ngàn cai là một tỷ, mười ngàn tỷ là một thất, mười ngàn thất là một tải. Có người nói triệu tải là năm rất xa, là không đúng. Chẳng sinh dục giác cho đến hương vị xúc pháp, là phần thứ hai, giải thích riêng. Có bốn: Một là lìa nhiễm; hai là tu điều lành; ba là lìa nghiệp; bốn là tu điều lành. Phần một lại có bốn. Đây là phần một, lìa nhân duyên nhiễm. Không sinh dục, sân, hại, giác tức là nêu khắp những lời quá nặng bất tận. Giác là tâm. Có thuyết chép: Chưa đối cảnh giới mà dự khởi ý nghĩ tà thì gọi là giác. Đối duyên sinh tâm thì gọi là tưởng. Không sinh ba giác là lìa tử, chẳng khởi ba tưởng là lìa chung, là không đúng. Ngay khi đối cảnh giới mà không sinh ba giác, không có lý do khác. Nay tức nhân của ba giác như chấp ba tưởng lấy giới hạn của cảnh mới sinh dục v.v... thì không tham danh lợi là không sinh dục giác, chẳng quấy não chúng sinh là không sinh sân giác, chẳng tổn hại mạng chúng sanh là không sinh hại giác. Ba giác chẳng sinh thì sẽ dứt ba tưởng, cũng gồm

nhân bên trong đã lìa, duyên bên ngoài không dứt. Cho nên nói không đấm sặc,... kinh nói Nhẫn lực thành tựu cho đến ít muốn biết đủ, đây là phần thứ hai, nói tu đối trị. Nhẫn lực, tức là yên chịu khổ chịu oán hại mà quán xét pháp nhẫn. Vì nhẫn lực này có công năng nhẫn chịu tổn não. Cho nên lìa ba giác, ba tướng, ít dục là lợi ở đời sau, trí tức là lợi ở hiện tiền, nên không mê đấm sặc.

Không nhiễm nhuế si, đây là phần thứ ba, chính là phiền não, nhiễm là tham.

Tam muội thường vắng lặng, trí tuệ vô ngại, là phần thứ tư, nói chánh tu đối trị. Tam muội thường vắng lặng là định sâu. Trí tuệ vô ngại là trí cao quý.

Không có luống dối cho đến ý trước nương hỏi, đây là phần thứ hai, lợi tha lìa nhiễm. Không tâm đối nịnh tức là lìa lỗi của ý. Về mặt vui vẻ là lìa lỗi thân. Ái ngữ trước hỏi là lìa lỗi của miệng. Có thuyết chép: ý trước nương hỏi là ý nghiệp, là không phải vậy. Tuy nói ý trước mà liền thưa hỏi.

Mạnh mẽ tinh tấn cho đến trí tuệ lợi ích chúng sinh, là phần thứ hai tu lời nói. Có ba: Một là tu không ngại nghĩ. Mạnh mẽ tinh tấn tức là từ đầu tinh tấn thệ không sợ địch. Cầu pháp thanh bạch tức là phần thứ ba, không tinh tấn tu không thôi, tức là tu tự lợi. Trí Tuệ lợi ích chúng sinh tức là tu lợi tha.

Cung kính Tam bảo cho đến công đức thành tựu, là phần thứ hai tu cung kính - cung kính Tam bảo là phước phương tiện, kính thờ thầy tổ là trí phương tiện. Dùng Đại trang nghiêm tức là hai thứ phước trí trang nghiêm đã thành tựu, các hạnh thánh bố thí đầy đủ. Dùng chỗ tu của mình mà lợi ích chúng sinh nên khiến công đức thành tựu.

Trụ không, vô tướng cho đến quán pháp như hóa, là phần thứ ba thực hành thành tựu chứng tu. Có thuyết chép: Trụ trong tham, sân, si là ý nghiệp không điều phục. Nay trụ Không, Vô tướng, Vô nguyện nên điều được phục ý nghiệp. Tham là da nên điều phục bằng vào không. Sân là thịt nên điều phục bằng vô nguyện. Si là tim nên vô tướng mà điều phục. Trong các pháp tướng đều không có lý này, thì ai phải nhọc chê. Cho nên nay ngã pháp thật chẳng nên nói không. Giả tướng cũng không, nên nói vô tướng. Trong hai thứ này chẳng có mong cầu nên nói vô nguyện. Có thuyết chép: Trong ba thứ này không có quả để làm cho nên nói không. Không có làm, không có nhân để sinh nên nói không khởi, đây e không đúng. Vì làm đã có tác dụng há chẳng gọi là nhân, khởi cũng sinh khởi, có thể gọi là quả. Cho nên nay ngay nơi nhân không

có thật dụng nên nói không làm (vô tác). Như kinh Duy-ma chép: Tuy làm nhưng vô tác. Quả không có thể chân thật nên nói không khởi. Tức kinh ấy nói tuy làm mà không khởi. Đã không thể dụng chân thật nên xem như hóa. Tóm lại, không làm không khởi nên chẳng thật có, quán pháp như hóa nên chẳng phải không, chẳng phải không chẳng phải có tức là Lý Trung Đạo, gọi là chứng hội.

Lìa bỏ lời nói thô ác cho đến kia đây đều hại, là phần thứ ba nói lìa nghiệp ác. Có hai: Một là lìa lỗi. Lìa lời thô ác là lìa lỗi khẩu nghiệp, hại mình hại người. Kia đây cùng hại là lìa lỗi thân nghiệp. Bỏ là người khác.

Tu tập lời nói lành cho đến nhân ngã đều được lợi, đây là nói nhiếp điều lành. Tu lời nói lành thì lìa bỏ lời nói thô ác. Tu ba lợi nên lìa ba hại.

Bỏ nước, quên ngôi vua, dạy cho người làm, đây là phần thứ tư nói tu điều lành. Tự mình có chỗ bỏ chỗ tu cũng khiến người khác có chỗ bỏ, chỗ tu.

Vô ương số kiếp chứa nhóm nhiều công đức, là phần thứ ba lại kết.

Hễ sinh chỗ nào cho đến Đạo chánh chân, là phần thứ hai, khen quả.

Có ba: Một là khen báo công đức. Có ba: Một là nêu chung.

Hoặc làm Trưởng giả cho đến tất cả các Đức Phật, đây là kế khen riêng. Có thuyết chép: Trưởng giả tức là Tùy loại sinh, Sát-đế-ly... là tối thắng sinh, sáu tầng trời cõi Dục là tầng thượng sinh, không đúng, vì Trưởng giả cũng nên thắng sinh, các vị trời cũng đâu chẳng phải thắng sinh.

Công đức như thế chẳng thể xưng kể, là kết khen.

Hơi thở thơm sạch cho đến tướng tốt khác lạ, là phần thứ hai khen y báo chánh báo, có hai: Một là khen Chánh báo cao quý.

Tay thường sinh ra cho đến vượt hơn trời, người; là khen y báo.

Đối với tất cả pháp được tự tại, đây là phần thứ ba khen quả trí đức cao quý.

A-nan bạch Phật cho đến thành Phật hiện tại, là phần thứ hai, nói quả đã thành, tức quả của thân và cõi do thệ nguyện mà thành. Có hai: Một là lược nói chỗ thành; hai là nói rộng chỗ thành. Phần một lại có bốn: Một là luận Phật đã thành, tức chủ đức thành. Cho nên luận chép: Chánh giác A-di-đà Pháp Vương khéo trụ trì. Tây phương cách đây cho đến gọi là An Lạc, là phần thứ hai, nêu cõi đã biến đổi. Ngài Bạch

Diên và Chi Khiêm đều chép: Cõi nước ở trên là Tu-ma-đề, chính là ở phương Tây, cách đây ngàn ức muôn núi Tu-di cõi Phật. Mà nay nói cách đây mười muôn ức cõi, Nhân trái nhau như trước đã giải thích.

A-nan lại hỏi cho đến trái qua mười kiếp, là phần thứ ba, nói thành Phật đã lâu. Kinh của Chi Khiêm chép: Thành Phật đến nay đã mười tiểu kiếp, ý giống kinh này. Còn ngài Bạch Diên nói thành Phật đến nay đã mười tám kiếp là bởi chữ tiểu thiếu nét giữa.

Cõi nước Phật ấy cho đến cũng như báu trời thứ sáu, là phần thứ tư, nói nước ấy đẹp đẽ. Có hai: Một là nói cõi nước trang nghiêm. Trước thành Phật tức là ứng với nguyện thân Phật, cõi cõi này thanh tịnh, tức ứng với nguyện cõi Phật. Nghĩa là đức chủng chủng sự thành tựu, nên luận chép: Đủ các châu báu, tánh đầy đủ trang nghiêm. Khôi là lớn, hách là đỏ. Trang nghiêm giới hạn tức đức hình tướng thành tựu, nên luận nói ánh sáng sạch đầy đủ như gương chứa ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Ánh sáng đỏ rực sáng tức là đức diệu sắc thành tựu. Nên luận nói; không dơ bẩn sáng sạch chiếu sáng khắp thế gian - Thanh tịnh tức đức thanh tịnh thành tựu nên luận chép: xem tướng thế giới ấy, đạo hơn cả ba cõi. Trang nghiêm, tức đức trang nghiêm thành tựu. Đó gọi là thủy, địa, không đều trang nghiêm. Như báu trời thứ sáu, tức là đem vật báu trời hơn gấp mấy lần của người để nói báu ở Tịnh độ hơn thế gian mà thôi. Lại cõi nước ấy cho đến thường hòa nhã thích hợp, đây là nói cõi trang nghiêm không nhớ uest. Có hai: Một là nêu chung các thứ không có, tức đức vô nạn thành tựu. Nên luận chép: lia hẳn nào thân tâm, hưởng vui thường vô gián.

Khi ấy A-nan cho đến nương đâu mà ở, là nói về lý do không có. Có năm: Một là hỏi.

Phật bảo A-nan cho đến nương đâu mà ở, là phần thứ hai, Phật hỏi lại.

A-nan bạch Phật cho đến chẳng thể suy nghĩ bàn luận, là phần thứ ba, A-nan đáp:

Phật bảo A-nan cho đến nên như thế, là phần thứ tư, Phật trình bày thành tựu, tức chỗ cầu đức mãn đã thành, nên luận chép: Điều nguyện của chúng sinh, tất cả đều trọn đủ.

A-nan bạch Phật cho đến nên hỏi nghĩa này, là phần thứ năm nói ý hỏi. Mặt trời, mặt trăng cũng có là như Giác kinh nói: Mặt trời mặt trăng, các sao đều trụ trên hư không, cũng không vận hành qua lại, cũng không có ánh sáng. Bởi tuy không có chỗ cho Tu-di qua lại cho nên có mà thôi, y cứ vào đó mà biết cõi ấy trời, người, khoảng không và mặt

đất đều khác nhau, các nhà có khác giải thích khác nhau, chỉ luống nói suông.

Phật bảo A-nan cho đến một cõi nước Phật, là phần thứ hai, nói rộng sự thành tựu. Nên đối nguyện trước mà nêu riêng sự thành tựu chỉ e rườm lời, lược bày quả cao quý. Có bốn: Một là khen quả thân Phật, tức nguyện báo thân Phật; hai là nói quyến thuộc, tức nguyện báo Bồ-tát Thanh văn; ba là khen cõi Phật nhiệm mầu, tức là quả cầu Tịnh độ; bốn là bày chỗ làm, là quả của nguyện nhiếp sinh. Phần một lại có hai: Một là khen riêng; hai là kết khen. Phần một lại có ba: Một là khen ánh sáng nhiệm mầu; hai là Nói tuổi thọ dài lâu. Phần một lại có bốn: Một là Đức Thích-ca tự khen. Có hai: Một là đối kém khen hơn, tức là nguyện quả báo ánh sáng không gì hơn được.

Cho nên Phật Vô Lượng Thọ cho đến Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang là kết khen hiển bày cao quý. Có thuyết chép: Vì dài nên là vô lượng, vì rộng nên là vô biên, vì tự tại nên vô ngại. Vì các thứ khác không đối lại được nên là vô đối, vì hơn các sáng khác nên là Diêm vương, vì lia cấu nên là thanh tịnh, vì thấy tâm vui vẻ nên là vui mừng, vì đối cảnh khéo chiếu nên là trí tuệ, vì chiếu vật không thôi nên là không dứt quãng, vì hơn tưởng thế giới nên là khó nghĩ, vì dứt nói tưởng nên là vô xứng, vì vượt hơn các sắc ở đời nên là siêu nhật nguyệt. Tuy có giải thích này nhưng không sáng riêng, cũng không trịnh trọng. Cho nên nay tức ánh sáng Phật không thể tính đếm nên là vô lượng, không duyên nào chẳng chiếu nên là vô biên, không có nhân pháp nào làm chướng ngại được nên là vô ngại, các Bồ-tát không bằng được nên là vô đối, sáng suốt tự tại không gì trên nên là Diêm vương. Từ gốc lành vô tham của Phật mà hiện, cũng dứt trừ hết tâm tham đắm của chúng sinh nên là thanh tịnh. Từ gốc lành không sân của Phật mà sinh có công năng dứt bỏ tức giận lo lắng của chúng sinh nên gọi là hoan hỷ Quang. Từ gốc lành không si, của Phật sinh khởi, lại dứt trừ tâm vô minh phẩm của chúng sinh, nên gọi là trí tuệ. Thường Quang của Phật luôn soi chiếu làm lợi ích, nên gọi là bất đoạn. Ánh sáng ấy người nhĩ thừa không lường biết được nên gọi là Nan tư. Cũng chẳng phải các thừa khác có khả năng nói được nên gọi là vô xứng. Ngày đêm thường soi chiếu không đồng với hai vầng sáng ở Ta-bà nên là Siêu Nhật Nguyệt. Nói tóm lại tức là Thân trang nghiêm. Nên luận nói tướng đẹp có ánh sáng phát ra xa một dặm, sắc tượng vượt hơn chúng sinh.

Có chúng sinh cho đến đều được giải thoát, là phần thứ hai, nói người thấy được lợi ích, ba cấu dứt hết, tức trừ chướng lợi thân, ý vui

mừng, tức là lợi sinh điều lành, khổ được ngưng nghỉ, tức là lợi ích cứu khổ, đều được giải thoát tức lợi ích được vui, đều được ánh sáng chạm thân là nguyện thân tâm khoan khoái mà được như thế.

Phật Vô Lượng Thọ cho đến cũng giống như thế, đây là phần thứ ba, các Thánh cùng khen, tức vô lượng các Đức Phật đều khen ngợi nguyện xưng danh. Nếu có chúng sinh cho đến cũng như nay, là phần thứ tư, nghe ánh sáng được lợi ích, tức là nguyện báo thân lễ mừng, trời, người kính trọng được thành.

Phật bảo ta nói cho đến còn chưa hết được, là phần hai kết khen, tức chẳng luống dối làm trụ trì trang nghiêm. Cho nên luận chép: Quán năng lực bản nguyện của Phật không lỗi khiến mau chóng đầy đủ công đức của biển báu lớn.

Phật bảo A-nan cho đến ông có biết chăng, là phần thứ hai, luận tảo thọ thành. Có hai: Một là nêu tuổi thọ dài lâu.

Dù mười phương cho đến biết được hạn cực, là nói việc hiển bày sự dài lâu. Có thuyết chép: tiếng Phạm là Mặc-Diễn-Na, Hán dịch là Tĩnh Lự, xưa gọi là Thiên-na, hoặc gọi là thiên đều sai, vì gọi tắt. Tuy biết xưa là thiên, nay là Tĩnh Lự, nhưng chưa nghe chữ thiên, lại có người gọi thật đáng buồn. Nay tức là Thiên tư, là tên khác của chuyên tư (chuyên nghĩ).

Thinh văn, Bồ-tát cho đến đều biết là phần hai, nói về quyến thuộc. Có bốn: Một là nói về tuổi thọ, tức tuổi thọ của trời, người không thể so sánh biết được, nguyện ấy đã thành.

Lại Thinh văn, Bồ-tát cho đến chẳng thể xưng kể, là phần hai, nói chúng vô số, tức là nguyện Thinh văn vô biên đã thành. Luận Vãng Sinh gọi là chúng trang nghiêm, nên có bài tụng rằng: trời, người chúng chẳng động, biển trí thanh tịnh sinh.

Thần trí rộng suốt cho đến tất cả thế giới, là phần ba, lược khen đức cao quý, tức là nguyện được Tha tâm trí, tức mạng, thuyết Nhất thiết trí, trí tuệ biện tài... đều thành.

Phật bảo A-nan cho đến Bồ-tát cũng thế, là phần thứ tư, nói rộng chúng đông nhiều. Có hai: Một là nêu chung. Hội đầu là nêu riêng nói bất tận để nói lên vô số.

Như Đại Mục-kiền-liên cho đến số nhiều ít sau đây, là giải thích riêng. Có hai: Một là đối trí khen nhiều.

Thí như biển lớn cho đến sao gọi là nhiều, là mượn việc mà hiển bày nhiều. Có ba: Một là lập dụ hỏi lại.

A-nan bạch Phật cho đến như nước biển lớn, là Phật nói về thành

tự. Thích Vãng Sinh Luận nói hai hạng người Nhị thừa không sinh, rộng như trước đã nói, không giải thích lại.

Lại cõi nước ấy cho đến cây xà cừ, là phần thứ ba, nói về Báo độ. Có bốn: Một là cây trang nghiêm; hai là nhạc trang nghiêm; ba là cung trang nghiêm; bốn là ao trang nghiêm. Phần một lại có ba: Một là cây báu trang nghiêm; hai là cây Đạo trang nghiêm; ba là đối kém mà khen hơn. Phần một lại có hai: Một là cây báu; hai là âm nhạc. Phần một lại có ba: Một là cây thuần báu, hoặc hai báu cho đến mã não làm báu; hai là nói cây tạp báu, từng hàng đối nhau cho đến chẳng thể xứng kể, là khen chung. Khi gió mát phát ra cho đến tự nhiên hòa nhau, là phần thứ hai nói về âm nhạc. Về gió mát thì bản khác nói là gió chẳng phải của trời hay của người. Âm thì kinh thì nói cung, thương, giốc, chủy vũ hợp tiếng ngũ hành. Nay nói cung, thương là nêu lược hai thứ. Cung là thô, thương là tế, hòa là ứng, không trái mạo âm, nên nói là tự nhiên. Pháp sư Hòa vị nói năm âm thanh: Một là rõ khắp; hai là dễ hiểu; ba là không tan; bốn là không chán; năm là vui tai. Tuy có điều này nhưng chẳng phải Phật nói nên không đáng tin.

Lại Phật Vô Lượng Thọ cho đến tùy ứng mà hiện, là phần thứ hai, nói về cây Đạo tràng. Có ba: Một là thể tướng của cây Đạo, một dặm là ba trăm bước. bốn trăm muôn dặm là mười hai muôn do-tuần, ứng với nguyện Bồ-tát ít công đức thấy Đạo Tràng ở trước mà thành. Có thuyết chép: Tùy thân Phật ấy cao sáu mươi muôn na-do-tha hằng sa do-tuần là do thần lực của Phật, dầu cây Đạo nhỏ cũng không ngại gì. Như thế các cung điện khác không cần xứng với hình thể lớn nhỏ. Nên nay kinh ấy Phật lượng đã là thân tha thọ dụng, còn cây Đạo này tức là hóa độ, nên không trái nhau. Hai mươi muôn dặm là sáu ngàn do-tuần, là không xứng với lượng ấy. Có bốn nói hai trăm muôn dặm mới đúng.

Gió nhẹ thổi từ từ cho đến không gặp nạn khổ, là nói kể phát ra tiếng lợi ích chúng sinh tức đức diệu thanh thành tự. Luận chép: Tiếng Phạm ngộ sâu xa nhiệm mầu nghe khắp mười phương.

Mắt nhìn sắc ấy cho đến không có các nạn khổ, là nói thấy nghe được lợi. Có hai, đây là đối cảnh được lợi. Nhờ nguyện lực các căn không thiếu xưa mà được, cho nên nói sáu căn thanh tịnh, còn nói Pháp Nhãn, sâu tức là thấu suốt tánh vô từ tướng sinh.

Này A-nan nếu cho đến do năng lực oai thần, là nói nhờ năng lực của Hậu trí mà được Nhãn. Có hai: Một là Nhờ thần lực mà được lợi ích. Có thuyết chép: Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa theo tiếng mà được ngộ. Thanh như tiếng vang. Nói âm Hưởng Nhãn là Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục

Địa bỏ thuyền mà về thật, nên gọi là Nhu Thuận Nhẫn. Thất Địa trở lên là bỏ tướng chứng thật, nên nói là Vô sinh Nhẫn. Nhẫn tức là Tuệ tâm an pháp, ở đây không đúng. Sơ địa trở lên đều đã chứng Thật, nên không có theo tiếng về thật khác. Nên hữu ký hữu thuyết đầu tiên ở Thập tín là theo tiếng mà ngộ giải. Kế ở Tam hiền là hàng phục nghiệp hoặc, sau là chứng thật dứt tướng, nên nói là vô sinh nhẫn. Đây cũng không đúng, vì chưa vào Thập tín nếu sinh về cõi ấy thì không được pháp Nhẫn là trái với bốn nguyện, cho nên nay tức là tìm âm thanh của cây từ gió mà có, có mà chẳng phải thật, nên được âm thanh Nhẫn. Nhu là không trái Thuận, chẳng trái không. Ngộ cảnh tánh không chẳng trái với có, mà thuận với không, nên nói Nhu Thuận Nhẫn. Thấy các pháp sinh dứt bốn trường hợp nên gọi vô sinh nhẫn. Nhờ năng lực Bốn nguyện cho đến nguyện rốt ráo, đây là nói do nguyện lực mà được lợi. Bốn nguyện tức là năng lực thế nguyện xưa. Bồ-tát ở phương khác nghe tên mà còn được nhẫn hưởng chi là ở cõi mình. Cho nên nguyện không thiếu sót vì cầu đầy đủ không luống dối, vì duyên minh liễu không thể hoại, vì nguyện bền chắc sẽ toại nguyện, rốt ráo do nguyện lực này mà sinh cõi ấy đều được ba nhẫn.

Phật bảo A-nan cho đến gấp ngàn ức lần, là phần thứ ba, đối kém mà khen cao quý. Đối với tầng trời thứ sáu, là tầng trời cao quý nhất của cõi Dục.

Cũng có tự nhiên cho đến rất là bậc nhất, là phần hai nói về nhạc trang nghiêm. Nhạc ở trên hư không không từ cây gió mà có, nên nói là tự nhiên. Các cảnh tượng bày ra đều là Phật pháp, không có tiếng nào chẳng phải pháp, tất cả tiếng đều đáng yêu, cũng là tùy theo nên nói ai lượng, tức hư không trang nghiêm. Nên luận chép: Có Vô lượng thứ báu giao nhau, giảng lưới khắp hư không, các thứ chuông phát ra tiếng vang, giảng nói pháp mầu.

Lại giảng đường nhà cửa cho đến che trùm ở trên, là phần thứ ba nói về cung điện trang nghiêm - giao lộ là màn trướng, giảng màn. Tức nhà cửa rừng cây đọng nước như phủ sương, tức là Địa trang nghiêm. Luận nói cung điện lầu các nhìn thấy khắp mười phương vô ngại. Nhiều cây có ánh sáng lạ, bao quanh các hàng rào báu...

Trong ngoài hai bên cho đến đều một loạt, là phần bốn nói về ao trang nghiêm. Có hai: Một là tướng của ao, có bốn: Một là lượng của ao, tức nước trang nghiêm. Nên luận nói hoa báu ngàn muôn thứ, che đầy khắp ao suối, gió nhẹ động lá hoa, rung rinh sáng lấp lánh.

Nước tám công đức cho đến vị như ngọt cam lộ, là phần thứ hai,

nói về tướng nước thanh tịnh, tức là một trong tám tính chất, thơm sạch là tính chất thứ hai. Vị như cam lộ là tính chất thứ năm. Nếu muốn giải thích đủ thì giải như trước, nay chẳng luận thêm.

Ao vàng ròng cho đến che phủ mặt ao, là phần thứ ba, nói về ao trang nghiêm, trước là giảng đường nhà cửa, đây là ao, do điều nguyện thứ ba mươi ba mà thành. Các Bồ-tát và Thỉnh văn ấy cho đến chẳng chậm chẳng nhanh, là phần thứ tư, nói về vật dụng mặc tình. Tâm cấu tức là phiền não, chỉ có tuệ dứt trừ. Mà nước trừ là dùng nước làm duyên, phát nước tuệ mà trừ sạch.

Sóng lăn tăn vô lượng cho đến vui vẻ vô lượng, là phần thứ hai, khen tiếng. Có ba: Một là tùy loại nghe có khác.

Thuận theo thanh tịnh cho đến đạo thực hành, là phần thứ hai, nghe những tiếng ấy rồi thì tu việc lành. Nghĩa chân thật tức là Niết-bàn. Pháp Bất cộng, tức là Bồ-đề. Đạo thực hành tức là nhân quả. Không có ba đường cho đến gọi là An Lạc, là phần thứ ba, nói chỉ có vui.

Này A-nan, Đức Phật ấy cho đến thần thông công đức, là phần thứ tư, nói thuộc về nguyện nào, có hai: Một là báo sinh cao quý, tức là nguyện lực nhiếp phương khác đã thành; hai là diệu báo của trụ, tức là nguyện nhiếp cõi mình đã thành. Phần một lại có hai: Một là Chánh báo nhiệm mầu. Sắc thân là nguyện báo thân vàng ròng. Diệu ý là nói nguyện Nhất thiết trí đã thành. Thần thông, tức là quả nguyện cúng dường Phật phương khác. Công đức tức là các nguyện có kết quả về thọ trì, phúng tụng, phạm hạnh, tổng trì, Tam-muội...

Cung điện nơi ở cho đến đạo Niết-bàn, là nói y báo tốt đẹp, tức nguyện muôn vật đẹp đẽ, y phục tùy ý nghĩ liền có... đã thành. Bạch Diên và Chi Khiêm đều nói Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán khi muốn ăn thì tự nhiên có thức ăn ngon ngọt, mà ở đây không có là do lược bỏ. Chỉ nói thấy sắc, nghe hương, tức là biết cõi ấy chỉ ngửi mùi mà không cần ăn nuốt. Có thuyết chép: Sắc không lìa ăn cho nên nói thấy sắc thể tức ba trần là không đúng. Đã chẳng thọ dụng thì làm sao vị xúc chạm thức ăn mà gọi là ăn. Kế là gần đấy, đã không có nhân khổ thì vui như lậu hết, là quả báo của nguyện.

Các Thỉnh văn ấy cho đến là thể vô cực, là phần hai, nói người ở cũ có quả báo cao quý. Có hai: Một là Chánh báo cao quý; hai là y báo cao quý. Phần một lại có hai: Một là nói thẳng báo cao quý cùng một loại, tức là quả báo của nguyện thứ tư. Hư vô vô cực là không có chướng, là ít có, như thứ lớp tức là quả báo của nguyện lực Na-la-diên. Có thuyết chép: Không phải trời, không phải người. Sinh về nước ấy

tuy là phạm phu nhưng không phải cỡi trời, cỡi người. Nếu cỡi người thì phải có bốn thiên hạ. Việt Đơn chép: Nếu không phải bốn thiên hạ, thì ngoài bốn châu có người riêng ư? Nếu có Bắc Châu thì có trời Trường Thọ. Cho nên trong Tịnh độ sẽ có sự gạn hỏi. Do đây mà Tịnh độ không phải cỡi trời, cỡi người, không phải ba cỡi. Tức Trí luận chép: vì không có dục, vì ở đây, vì có sắc như thứ lớp không phải dục sắc. Đây e không đúng. Do bốn thế chỉ nói về ba đường mà không nói đường lành. Nếu không phải đường lành thì phải nói có năm đường. Lại nếu không phải Phật mà không phải ba cỡi thì tức trái. Kinh nói ngoài ba cỡi có chúng sinh thì không phải bả Đức Phật nói. Mà Trí luận nói chẳng phải ba cỡi, hơn nữa để phân biệt với cỡi uế, nên nghĩa cũng không lỗi. Tuy có trời, người, nhưng trời, người không khác, chỉ theo nghiệp cỡi uế mà phân biệt trời, người, cho nên nói vì thuận với các phương khác mà có tên trời, người thôi.

Do đây mà các vị trời đều ở trên hư không. Ngài Bạch Diên nói một là trời Tứ Thiên vương, hai là trời Đao-lợi đều tự nhiên ở trên hư không, không có nhân sở y.

Phật bảo A-nan cho đến đâu thể giống, là nói mượn việc mà hiển bày sự cao quý. Có năm: Một là so sánh người nghèo với vua, có ba, đây là mượn việc mà hỏi lại.

A-nan bạch Phật cho đến nhân được như thế, đây là kế A-nan đáp là hơn. Để là rất, Tư hạ là thấp hèn, đái là gần, tọa là tội. Hộ là phước. Tu cực là rất mệt mỏi v.v...

Phật bảo A-nan, ông nói đúng, là nói sau đó Phật nói thành tựu.

Kể như Đế Vương cho đến bên Đế vương, là phần thứ hai, so sánh vua với Luân Vương.

Vua Chuyển luân cho đến gấp ức lần, là phần thứ ba, so sánh Luân Vương với Đế-thích.

Nếu khiến cho Thiên-đế cho đến không cùng loại, là phần thứ tư, so sánh Đế-thích với Ma Vương.

Nếu như Thiên Vương tầng trời thứ sáu cho đến gấp nhiều lần không thể kể hết, là phần thứ năm, so sánh Ma Vương với chúng ở Tây phương.

Phật bảo A-nan cho đến cao thấp lớn nhỏ, là phần thứ hai, nói về y báo nhiệm mầu. Có sáu: Một là đồ dùng gọi là hình.

Hoặc một báu cho đến theo ý nghĩ liền có, là phần hai, nói về các báu theo ý (mặc tình sử dụng).

Lại dùng các báu cho đến đạp lên mà đi, là phần ba, nói áo báu

trái đầy đất.

Vô lượng lưới báu cho đến hết sức đẹp đẽ trang nghiêm, là phần thứ tư nói lưới báu giảng đầy.

Tự nhiên gió đức cho đến sáu lần như thế, là phần thứ năm, nói về gió đức thổi vào trống. Quá nhã là hay, phương là thơm, liệt là ánh sáng, là đẹp. hai ngài Bạch Diên và Chi Khiêm nói cúng hoa Phật bốn lần, ở đây nói sáu lần cũng không hại gì.

Lại các hoa sen báu cho đến trăm ngàn ức tia sáng, là phần sáu, nói các vật báu biến hóa đầy đủ. Có hai: Một là thế giới Hoa Nghiêm.

Trong mỗi tia sáng cho đến Chánh đạo của Phật, là nói ánh sáng làm lợi ích chúng sinh, tức là cung trang nghiêm, cho nên luận nói tiếng nói Phạm của Như lai rất nhiệm mầu vang khắp mười phương.

